**PHẦN VI**

**MỘT SỐ CHỦ TRƯƠNG VÀ BIỆN PHÁP KỸ THUẬT KHÓ MỞ RỘNG TRONG SẢN XUẤT VÀ NHỮNG MẤT MÁT VỀ CON NGƯỜI CỦA CỤC TRỒNG TRỌT**

**I.** **CHỦ TRƯƠNG VÀ BIỆN PHÁP KỸ THUẬT KHÓ MỞ RỘNG TRONG SẢN XUẤT**

**1. LÚA THẦN KỲ và KHOAI Ụ**

**a. Lúa Thần kỳ**

Nông dân Miền Bắc còn nhớ vào khoảng 1959-1960, theo đề xuất của Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp đồng ý thử nghiệm làm “lúa thần kỳ”. Kỹ thuật làm “lúa thần kỳ” được du nhập từ Trung Quốc. Theo tài liệu giới thiệu và hướng dẫn của Trung Quốc thì nội dung kỹ thuật làm “lúa thần kỳ” chủ yếu là:

 - Cày sâu dưới tầng đế cầy khoảng 10-15cm tạo tầng đế cầy mới để tăng thêm nguồn dinh dưỡng từ đất thỏa mãn cho nhu cầu sinh trưởng và phát triển của cây lúa.

 - Bón thật nhiều phân để cho cây lúa đủ sức ăn.

- Cấy thật dầy để tăng dảnh lúa cơ bản trên đơn vị diện tích.

Năng suất có thể đạt 10-15 tấn/ha/vụ.

Trong tài liệu giới thiệu và hướng dẫn họ có chụp bức ảnh mấy đứa trẻ đứng lên trên những bông lúa mà cây lúa không đổ một cách ma mị để minh họa.

Việc làm thử nghiệm bắt đầu từ Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp ở Văn Điển, Hà Nội. Anh chị em lao động của Viện dùng mai đào đất cho thật sâu, vì chỉ có cách này đất mới làm sâu được 30-40 cm mà cày 51 không thể làm được. Ở thí nghiệm 100 m2 được bón rất nhiểu phân chuồng để quy ra phải đạt 20 tấn/ha, cấy dầy khoảng 3x3 cm (gần như gieo mạ thưa). Thời kỳ lúa sinh trưởng dinh dưỡng các lá lúa ken chật vào nhau, những đám lúa ở giữa ô thí nghiệm không được thông thoáng, nhiệt độ tăng cao hơn đám lúa ngoài rìa bở, lá lúa vàng, những lá gốc bị khô cháy, khổ cho anh chị em lao động phải dùng quạt rê lúa ở nông thôn mà ra sức quạt cho ruộng được thoáng gió (thuở ấy làm gì có quạt điện thông gió như bây giờ mà dùng). Rồi thì Viện cũng tổ chức cho các đoàn ở các tỉnh đến tham quan đầu bở “Ruộng thí nghiệm cấy lúa thần kỳ” và kết quả mới là điều đáng nói “lúa thần kỳ” ấy không thu được dù chỉ là một hạt thóc.

Phong trào làm “lúa thần kỳ” được Bộ Nông nghiệp chỉ đạo làm thí điểm ở nhiều tỉnh Phía Bắc. Bắc Ninh cũng là một tỉnh hưởng ứng nhiệt tình, tiên phong trong phong trào này.

 Ông Lê Hồng Nhu, Trưởng phòng Trồng trọt, Cục Trồng trọt khi đó là thanh niên còn trẻ ở quê Bắc Ninh đã cùng gia đình tiến hành làm thử nghiệm. Nhà có 5 sào lúa thì bỏ ra 2 sào làm thử nghiệm.

Để thực hiện, ông bố cày bằng Cày 51 đi trước lật đất, con cày chìa vôi đi sau đào thêm một đường nữa cho sâu thêm độ 10-15 cm. Cày xong rải phân xanh, phân chuồng thật nhiều rồi bừa ủ độ 10-15 ngày sau đó bừa san để cấy. Khi cấy, cấy thật dày, hàng cách hàng chỉ độ 10-15cm, cây cách cây độ 4 - 5cm. Cấy xong trông ruộng lúa đã gần như kín đất. Khi lúa đẻ nhánh còn tưới thêm nước giải, nước phân lợn. Vụ mùa, lúa vươn rất nhanh, toàn lá là lá. Lúa chuẩn bị làm đòng, trời nắng như thiêu, trên nóng dưới nóng, ruộng lúa như nung, bệnh khô vằn tấn công, cả ruộng chuyển sang màu xám. Trời tiếp cho nhiều trận mưa lớn, cây lúa gốc yếu, gió quật đổ ngổn ngang. Thế là lúa chưa trỗ đã được gặt. Bố con mướt mồ hôi cắt đem rơm về nhưng vì rơm nhũn, trâu cũng không thèm ăn. Đúng là “lúa thần kỳ”. Ông bố bảo: “May mà làm có 2 sào, nếu nghe mày làm cả 5 sào thì nhà chết đói”.

Chỉ một số ít hợp tác xã ứng dụng mô hình “lúa thần kỳ” này vì họ thấy tốn công, tốn của, chi phí quá cao nhưng chủ yếu là từ thuở cha sinh mẹ đẻ đến giờ chưa thấy ai làm lúa theo kiểu ấy. Một số hợp tác xã tiếp nhận kỹ thuật mới đã cho đội kỹ thuật làm thử, cứ làm, công điểm đã có đội chấm công, chi phí đã có kế toán ghi nhận bởi đã là của chung chả ai sót, thất bại cũng chẳng ai phải chịu.

Có thể bên Trung Quốc, vụ xuân thời tiết lạnh nên biện pháp cấy dầy áp dụng được nhưng ở Việt Nam trời nóng nên không thể học họ một cách máy móc như thế. Bây giờ nhìn lại mới thấy rằng quan điểm cho thí nghiệm làm “lúa thần kỳ” không phải đề xuất của Vụ Trồng trọt, nhưng vì là thí nghiệm thì cứ để cho họ làm, mà đã là thí nghiệm thì có thể thành công cũng có thể thất bại. Đó là chuyện bình thường.

**b. Khoai lang ụ:**

Song song với làm thí điểm “lúa thần kỳ”, Bộ Nông nghiệp cũng cho làm thí điểm trồng “khoai lang ụ” mà kỹ thuật này cũng xuất phát từ Trung Quốc.

Theo giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật thì làm khoai ụ sẽ không tốn đất, trên sân trên vườn chỗ nào cũng có thể làm được mà năng suất thu được lại rất cao. Trong giới thiệu họ còn chụp những bức ảnh khi bới ụ khoai ra đầy những củ.

Kỹ thuật làm phân ụ chủ yếu là:

- Lấy đất mầu hoặc bùn ao phơi khô đập nhỏ.

- Trộn đất với phần chuồng, phân rác, phân xanh…thành một hỗn hợp đất phân để làm ụ trồng khoai.

- Trên sân hoặc trên vườn… đều có thể làm những ụ để trồng.

Cách làm: Lấy hỗn hợp đất phân rải một lớp dầy độ 30cm, vòng tròn đường kính ụ khoảng 2-3m. Xếp dây khoai lang lên theo vòng tròn ụ, cách nhau khoảng 30cm một dây. Xếp dây khoai xong lấy hỗn hợp phân đất chất tiếp lên khoảng 30 cm lại rải dây khoai một lượt. Cứ như thế khi nào ụ khoai cao chừng 2 - 3m thì thôi. Ụ khoai trồng xong như một đống rơm nhỏ. Khi khoai lên xanh có thể tưới nước khi khô hoặc tưới bổ sung nước phân cho khoai tốt.

Ngày ấy, ở sân các hợp tác xã, sân nào cũng có một vài ụ trồng khoai lang thí điểm. Sau vài tháng, dây khoai tốt phủ xanh kín ụ, trông ụ khoai xanh đến là đẹp mắt.

Rồi cũng đến ngày thu hoạch, mọi người nao nức ra xem thành quả. Khi cắt dây xong và bới ụ khoai ra, mọi người mới thấy ngán ngẩm vì ụ khoai toàn rễ là rễ, chỉ được ít củ không đáng là bao. Thế là kỹ thuật trồng thí điểm khoai ụ cũng không thành công và nông dân đã trả lại kỹ thuật này về nơi xuất xứ của nó.

 **2. PHÁT TRIỂN CÂY CỌ DẦU**

Trong các năm 1964-1965, nước ta đang trong giai đoạn rất khó khăn về lương thực, thực phẩm. Hồ Chủ tịch biết được ở Hải Nam, Trung Quốc lúc bấy giờ đang phát triển mạnh cây cọ dầu để sản xuất ra dầu cọ phục vụ bữa ăn cho nhân dân. Theo tài liệu được biết thì mỗi hecta cọ dầu thu hoạch quanh năm cho sản lượng hàng năm vào khoảng 10 tấn quả, từ đó có thể ép được 3 tấn dầu cọ từ thịt quả và thu được khoảng 750 kg hạt, có thể ép ra 250 kg dầu cọ từ hạt có chất lượng cao và 500 kg bã hạt. Bã được dùng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm.

Hồ Chủ tịch đã chỉ thị cho Bộ Nông nghiệp đưa cán bộ của Bộ sang Hải Nam nghiên cứu, học tập để về phát triển cây cọ dầu ở nước ta. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Hoàng Anh giao cho Vụ Trồng trọt do ông Dương Hồng Hiên làm Vụ trưởng tổ chức ngay đoàn cán bộ sang Hải Nam.

 Năm 1965, đoàn cán bộ của Vụ Trồng trọt gồm ông Nguyễn Hữu Nghĩa, làm trưởng đoàn cùng ông Nguyễn Xuân Phương và ông Mai Xuân Tạnh được cử sang Hải Nam để nghiên cứu, khảo sát và học tập về trồng và chế biến cọ dầu. Sau nửa năm khảo sát ở Hải Nam trở về, Vụ Trồng trọt thành lập bộ phận phát triển cây cọ dầu do ông Nguyễn Hữu Nghĩa làm nhóm trưởng.

 Năm 1967, nhập hạt giống cọ dầu Dura của Trung Quốc, đưa về ươm tại ba trại ở Thanh Hoá, Hưng Yên và Nghệ An, sau đó đem trồng thử nghiệm ở ba nơi đó là Vĩnh Bảo, Hải Phòng do ông Nguyễn Hữu Nghĩa phụ trách; ở Yên Định, Thanh Hóa do ông Nguyễn Xuân Phương phụ trách và tại Hương Sơn Hà Tĩnh do ông Mai Xuân Tạnh phụ trách.

Vào ngày 23-11-1968, Bộ Nông nghiệp có công văn "Báo cáo về cây cọ dầu kính trình Hồ Chủ tịch" do Vụ phó Vụ Trồng trọt Lã Xuân Đĩnh ký.

 Sau hơn 10 năm trồng thử nghiệm, kết quả cọ dầu trồng ở Hải Phòng sinh trưởng kém, năng suất không cao tại Thanh hóa kết quả cũng tương tự. Tại Hà Tĩnh kết quả có khá hơn. Trại thí nghiệm Hương Sơn đã cùng khoa Sinh, Trường Đại học Sư phạm Vinh hồi đó nghiên cứu và thấy cây cọ dầu ở Hương Sơn, mặc dù khi trồng giống đã quá già, khí hậu mỗi năm mất 5 tháng nhiệt độ trung bình dưới 20 độ C, thậm chí có nhiều ngày nhiệt độ dưới 15 độ C làm cho cọ dầu sinh trưởng kém và không thụ phấn được, nhưng cây cọ dầu vẫn phát triển được và cho năng suất trung bình hơn 6 tấn buồng quả/năm.

Để tổng kết chương trình trồng thử nghiệm cây cọ dầu, trong ba ngày 17 đến 19-11-1980, Bộ Nông nghiệp tổ chức hội nghị chuyên đề về cây cọ dầu tại Hà Tĩnh và kết luận cây cọ dầu có thể phát triển được từ Nam Hà Tĩnh trở vào. Kết quả hội nghị chuyên đề trên được Bộ Nông nghiệp báo cáo lên Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Phó Thủ tướng Võ Chí Công vào năm 1981 và các đồng chí Thủ tướng, Phó Thủ tướng đều đã cho chỉ thị đưa cây cọ dầu vào sản xuất.

Sau năm 1981, việc thí điểm trồng cọ dầu ở Hải Phòng và Thanh Hóa dừng lại. Ồng Nguyễn Hữu Nghĩa chuyển về công tác tại Sở Khoa học Hải Phòng và ông Nguyễn Xuân Phương về Trại đậu đỗ Định Tường, Thanh Hóa.

Tại Hà Tĩnh, khi ông Tạnh đang cùng các cộng sự mừng vui trước những cụm hoa cọ dầu xòe nở cho nhiều triển vọng, thì năm 1982 tỉnh Nghệ Tĩnh cho sáp nhập Trại chăn nuôi hươu vào Trại thí nghiệm cây cọ dầu lấy tên là Xí nghiệp Hươu Hương Sơn. Từ đây chương trình thí nghiệm cây cọ dầu bị con hươu lấn át và không còn ai nhắc việc thí nghiệm, phát triển cây cọ dầu nữa. Chương trình trồng thử nghiệm cây cọ dầu ở các tỉnh phía Bắc kết thúc.

Để tiếp tục nghiên cứu trồng cây cọ dầu, năm 1986 Bộ Nông nghiệp đã giao cho Viện nghiên cứu dầu thực vật (OPI) triển khai đề tài ”Nghiên cứu khả năng thích nghi của Cọ Dầu ở các tỉnh phía Nam” làm cơ sở khoa học cho việc quy hoạch và phát triển Cọ Dầu tại Việt Nam.

Sau năm 1986, ở Miền Nam đã trồng khoảng 650 ha cọ dầu tại Gia An, tỉnh Đồng Nai (thuộc Công ty Dầu thực vật Đồng Nai) để khai thác dầu. Ngoài ra, Viện Nghiên cứu dầu và Cây Cọ Dầu cũng đã tiến hành trồng khảo nghiệm khả năng thích nghi của Cây Cọ Dầu trên các vùng sinh thái: Vùng phèn mặn Bình Khánh và Đỗ Hòa (huyện Cần Giờ, TP. Hồ Chí Minh), vùng đất phù sa cổ Mộc Hóa (tỉnh Long An), vùng đất xám bạc màu Xuân Lộc (tỉnh Đồng Nai), vùng đất phèn Nước Mục (huyện Bến Lức, tỉnh Long An), vùng đất phèn nhiễm mặn nhẹ Thủ Đức (TP. Hồ Chí Minh) và vùng đất cát ven biển (huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định). Mỗi điểm khảo nghiệm có quy mô từ 1 - 2 ha với giống cọ dầu Tenera C và D: C0101, C7001, C7128, C2101 và D1439 được nhập từ Pháp, ươm ở Nông trường Cọ dầu Gia An (Xuân Lộc, Đồng Nai), cây con được bố trí trồng trên các vùng sinh thái khác nhau như đã kể ở trên.

Qua công trình nghiên cứu, các nhà chuyên môn khẳng định về khả năng sinh trưởng phát triển Cọ Dầu trên vùng đất phèn Đồng bằng sông Cửu Long, đất xám miền Đông Gia An, đất phèn Nước Mục Long An, đất phèn nhiễm mặn nhẹ Thủ Đức, đất cát Phù Cát là tương đối phù hợp cho năng suất 2,6 tấn dầu/ ha. Cây cọ dầu trên vùng đất phèn sẽ cho hàm lượng dầu/khối lượng khô 52,25 - 56,06 %, hàm lượng dầu nhân cọ 45 -52 % và có chất lượng dầu tương đương với Dầu Cọ Malaysia.

Hiện nay, một số nơi ở Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng bằng sông Cửu Long đã trồng cọ dầu đạt kết quả tốt.

Anh Lê Phong Phú (xã Bình Lợi, huyện Bình Chánh) trồng gần 50 ha cây cọ dầu. Phần lớn diện tích này tại xã Bình Lợi, số còn lại ở các tỉnh Long An, Bình Thuận. Theo tính toán, mỗi ha cọ dầu được thu hoạch quanh năm sẽ cho sản lượng vào khoảng 10 tấn quả. Từ đây, có thể sản xuất được 3 tấn dầu cọ từ thịt quả và 250kg dầu cọ từ hạt.

Tuy nhiên, cây cọ dầu không được coi là cây có sản phẩm hàng hóa lớn trong kế hoạch phát triển Đồng bằng sông Cửu Long nên việc đầu tư của nhà nước có hạn chế. Do vậy, cây cọ dầu ở Việt Nam khó phát triển trở thành cây chủ lực của nền kinh tế như ở Malaysia hay Indonesia.

**3. NHÂN VÔ TÍNH MẦM KHOAI TÂY BẰNG CÁCH ĐƠN GIẢN**

Việc mở rộng diện tích trồng khoai tây Vụ đông gặp 2 trở ngại:

- Lượng giống rất lớn: Nếu trồng bằng giống khoai tây vàng Thường Tín (Ackesegen) thì cần 40-50 kg củ giống cho một sào bắc bộ (360m2­­­). Nếu trồng bằng giống mới nhập nội như Mariella, Diamant, Nicola.. thì phải 60-70 kg/sào.

- Khoai tây nhiễm bệnh virus (X, Y) rất nặng có thể làm giảm năng suất tới 20-30%.

Để giải quyết 2 vấn đề này, ý tưởng kỹ thuật đưa ra là nhân giống bằng mầm khoai tây dựa trên sự tính toán cơ học:

 Giảm lượng giống bằng cách từ một củ khoai tây cho nảy mầm rồi từ các mầm này nhân vô tính được nhiều cây con khác và tiếp tục nhân sẽ có đủ lượng cây giống trồng cho một sào. Viên sỹ Giáo sư Đào Thế Tuấn nói gọn lại: “Chỉ cần một củ khoai tây trồng được một sào”. Giáo sư và các cán bộ tập huấn chuyển giao công nghệ cho hợp tác xã Bình Minh, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội). Chủ nhiệm hợp tác xã Nguyễn Ngọc Khoa mở loa trực tiếp yêu cầu các hộ và lao động đang làm việc trên đồng về ngay sân kho hợp tác xã để nghe Giáo sư Đào Thế Tuấn nói phương pháp chỉ cần một củ giống có thể đủ trồng cho một sào khoai tây. Thật kỳ lạ nên vì hiếu kỳ nên bà con kéo nhau đến sân kho rất đông, có cả trẻ em đang mò cua ngoài đồng cũng theo người lớn kéo về xem như xem trò ảo thuật.

Sau khi Giáo sư giảng về lý thuyết, các cán bộ kỹ thuật tiến hành thao tác kỹ thuật để hướng dẫn nông dân cách nhân giống vô tính từ những mầm khoai tây của một củ, mỗi mầm được cắt rất nhiều lần, mỗi lần cắt là một đốt lá được đem giâm vào bầu sẽ mọc thành một cây khoai tây và nhân đủ số cây trồng cho một sào. Phản ứng của người nghe và xem là: “Còn phải làm chán mới đủ cây giống trồng cho một sào, cứ tưởng một củ khoai giống trồng ngay cho một sào có mà là ảo thuật”. Nông dân kéo nhau ra về còn Giáo sư và cán bộ kỹ thuật đi theo, bụng bảo dạ đốt cháy giai đoạn thật khó thành công vả quả nhiên biện pháp kỹ thuật này không thể nhân vô tính quá giản đơn để áp dụng vào trong sản xuất.

 **4. GIEO MẠ LÚA XUÂN KHÔNG ĐẤT**

Khi lúa xuân phát triển mạnh và thay thế vụ lúa chiêm ở Miền Bắc thì các phương thức làm mạ xuân cũng đặt ra bởi vì thời vụ gieo mạ xuân (cuối tháng 1 đến đầu tháng 2) là thời gian thường hay gặp rét nặng, rét hại làm chết mạ dẫn đến không có mạ để cấy (hợp tác xã nói là thủng diện tích).

 Trong bối cảnh đó, khi Giáo sư Bùi Huy Đáp làm Viện trưởng Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp đặt vấn đề với Vụ Trồng trọt có thể hướng dẫn và chuyển giao kỹ thuật gieo mạ xuân không đất cho hợp tác xã. Có lẽ ý tưởng này dựa theo cách làm mạ Dapo của Nhật Bản được cụ thể vào hoàn cảnh của Việt Nam.

Huyện Hoài Đức (do ông Bùi Trần Chuyên làm Bí thư) và hợp tác xã An Khánh (do ông Nguyễn Quốc Trị làm chủ nhiệm) ở tỉnh Hà Sơn Bình (cũ) được chọn là điển hình trong phạm vi quy mô huyện và quy mô hợp tác xã. Giáo sư Bùi Huy Đáp cùng ông Nguyễn Kim, Phó Viện trưởng phối hợp với Sở Nông nghiệp Hà Sơn Bình, huyện Hoài Đức mở hội nghị bàn kế hoạch triển khai “gieo mạ không đất” ở ngay hợp tác xã làm điểm là An Khánh. Các chủ nhiệm hợp tác xã trong huyện về họp đầy đủ, không thiếu một người. Giáo sư Đáp trình bày rất hay về cách làm mạ không đất. Ông Chuyên, Bí thư Huyện ủy giao kế hoạch và trách nhiệm cụ thể cho từng chủ nhiệm hợp tác xã, Giáo sư Đáp thì giao trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo cho Viện phó Kim phải cùng với Sở Nông nghiệp Hà Sơn Bình triển khai ngay. Cũng không hiểu vì mến mộ danh tiếng Giáo sư Bùi Huy Đáp hay sợ trách nhiệm trước Bí thư Huyện ủy mà các ông chủ nhiệm hợp tác xã lại hồ hởi đồng tình cao đến thế. Tất cả phấn khởi ra về như vừa học một bài rất mới.

Các ông Chủ nhiệm hợp tác xã bắt tay triển khai rầm rộ phong trào gieo mạ không đất trên toàn huyện Hoài Đức. Sân kho hợp tác xã được đội kỹ thuật lấy gạch xếp thành những luống hoặc ô nhỏ, dùng đất sét để miết mạch chỗ tiếp xúc giữa gạch và nền sân cũng như chỗ liên kết các viên gạch với nhau như kiểu vữa xi măng vậy. Lá chuối dùng cả tầu lót xuống nền luống hoặc ô để sau khi gieo mạ có thể giữ được nước tưới xăm xắp dưới chân cây mạ. Giống lúa sau khi ngâm ủ mọc mầm thì đem gieo và được dưỡng cây bằng nước trên nền không có đất như kiểu thủy canh.

Không may, vụ xuân năm ấy bị rét hại rất nặng. Nhiệt độ bình quân cả tháng 12 là 15,9 o C, tháng 1 là 13,1o C, tháng 2 là 14,5o C. Đấy là bình quân cả tháng trong đó có nhiều ngày nhiệt độ xuống thấp đưới 10o C, đặc biệt tháng 1 nhiệt độ cực trị xuống tới 5-8 o C. Để chống mạ chết rét, hợp tác xã huy động xã viên đem tro bếp phủ mạ, lấy rơm rạ, củi gộc đốt hun thành khói để làm giảm sương muối. Đã bằng mọi cách mà mạ vẫn chết hàng loạt không cứu vãn nổi. Chủ nhiệm Nguyễn Quốc Trị ở An Khánh cho Phó chủ nhiệm đạp xe đến Viện Khoa học kỹ thuật mời Giáo sư Bùi Huy Đáp về cho ý kiến khắc phục. Giáo sư về quan sát và xem mạ thấy không thể cứu chữa được, Giáo sư phê bình Ban chủ nhiệm rất ngắn gọn: “Tại các anh làm không đúng kỹ thuật”. Như bị xúc phạm Chủ nhiệm Trị phản ứng ngay: “Các anh nói thế nào cũng được, các anh bảo phải tưới nước giữ ấm chúng tôi tưới nước, các anh bảo phải phủ tro chúng tôi phủ tro, các anh bảo phải đốt lửa tạo khói tránh sương muối chúng tôi cũng đốt lửa hun khói. Đấy phi lao, bạch đàn chặt hết rồi để làm củi hun khói theo các anh chỉ bảo. Giở thì các anh còn muốn gì nữa ?”

Không đối đáp thêm, Giáo sư cùng ông Nguyễn Kim, viện phó cùng mấy anh em kỹ thuật bỏ ra về mặc cho hợp tác xã đã chuẩn bị cơm có thịt gà, thịt lợn để mời khách.

Kết quả của gieo mạ không đất là huyện Hoài Đức đã bị chết 210 tấn giống gieo mạ. Bí thư huyện ủy Bùi Trần Chuyên thì im lặng, Bí thư tỉnh ủy Hà Sơn Bình Nguyễn Xuân Trường (sau này làm Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm) thì hỏi Sở Nông nghiệp “tại sao các anh không cấm ông Đáp vào tỉnh ta gieo mạ không đất”, “Thưa anh, chỉ có Tỉnh ủy mới cấm được thôi ạ” anh em trả lời lại với Bí thư Tỉnh ủy như vậy. Đấy thêm một thất bại nữa hay là một sự việc đáng nhớ trong thời kỳ (1975-1990) của nông nghiệp

 **5. LÀM PHÂN VIÊN BÓN LÚA**

Cũng trong thời gian này Giáo sư Đáp đặt vấn đề với Vụ Trồng trọt phối hợp để chỉ đạo làm và bón phân viên cho lúa. Về lý thuyết là chuyển cách bón đạm trên mặt ruộng bằng bón đạm sâu giữa các khóm lúa để cung cấp đạm cho lúa từ từ và hạn chế sự mất đạm do đạm Amon bay hơi dưới dạng khí Amoniac (NH4  thànhNH3 bay lên) và do quá trình khử với đạm Nitrat. (NO3-  - NO2­-  - N2 bay lên).

Theo Doberman và Fairhust có đến 60% lượng đạm Amon do bay hơi NH­­3. . Quá trình khử nitrat diễn ra chậm hơn và ở tầng khử các lớp đất mặt 0,5-1,0 cm. Tại IRRI khảo sát năm 1990-1991, sau 11 ngày bón cho lúa, đạm Amon bay hơi 50% (NH3) trong khi mất do quá trình khử Nitrat (N2) là 20%.

Như vậy, ý tưởng bón phân viên là rất tốt và hợp lý đối với điều kiện hợp tác xã còn nghèo, từng biện pháp đều phải suy nghĩ để tránh lãng phí do bị thất thoát đạm.

Cách làm phân viên cũng giản đơn, dễ làm: Đất màu hoặc đất ải đập nhỏ, sàng đất cho mịn, trộn 10% Urê cho thật đều rồi tưới nước vừa ẩm có thể vo lại thành viên (không khô quá, không nhão quá, khoảng 70% là vừa).

Những viên phân được vo tròn bằng hòn bi cái hoặc nhỉnh hơn một chút là được. Những viên phân này được dúi sâu giữa các khóm lúa thời kỳ con gái. Keo đất của viên phân sẽ giữ đạm cung cấp dinh dưỡng cho cây lúa.

Tại buổi tập huấn cho Trưởng phòng và cán bộ phân bón của Sở Nông nghiệp tại Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp ở Văn Điển, Giáo sư Đáp dùng máy công nông để phay đất cho nhỏ và trộn đạm với đất bột, sau khi tưới ẩm cho vào máy đùn. Những thỏi phân như kiểu làm thức ăn nuôi cá, tôm bây giờ. Khác ở chỗ điều chỉnh để có được những thỏi hoặc viên theo ý muốn.

Để cải tiến thì làm những khuôn gỗ đục nhiều lỗ tạo phân viên (kiểu như ta có khuôn làm bánh nướng, bánh trung thu). Mỗi khuôn được vài chục viên phân sau mỗi lần thao tác. Anh em cán bộ kỹ thuật mỗi khi xuống hợp tác xã, đằng sau xe đạp đều buộc khuôn gỗ làm phân viên, đến đâu là thao tác và tập huấn tại chỗ, thế là lại tạo ra một phong trào làm và bón phân viên rầm rộ.

Phong trào vừa tạo ra lại chết ẻo rất sớm vì những vướng mắc khi thực hiện trên diện tích rộng:

- Làm phân viên để đủ dúi cho hàng chục, hàng trăm ha phải chuẩn bị lượng đất bột đến hàng chục tấn lấy đâu có khu đất để khai thác hết vụ nọ sang vụ kia?

- Có phân viên lại phát sinh phải có kho chứa, diện tích kho lớn hơn nhiều lần so với diện tích chỉ cần chứa vài chục tấn Urê.

- Tốn nhiều công để sản xuất phân viên và công vận chuyển ra đồng, công đi dúi phân cũng bằng số ngày công đi cấy (một lần cấy một lần dúi phân). Để giảm công này thì được hướng dẫn có thể ném cho viên phân chìm vào lớp bùn non mặt ruộng, Nhưng ném cho viên phân chìm sâu như dúi thì phải có lực mạnh, nếu không sẽ như tung, viên phân chỉ nằm trên mặt ruộng thì mất đạm cũng như bón mặt mà thôi. Hơn nữa muốn viên phân chìm vào trong bùn thì ruộng phải có bùn nhuyễn, nếu mặt ruộng hơi khô, đất có chỗ lổn nhổn cũng không thể ném cho viên phân chìm vào sâu trong lớp bùn được. Thế là phong trào làm phân viên cũng kết thúc.

 Vào những thập kỷ sau, khi công nghiệp phân bón phát triển, ý tưởng làm phân viên và những vướng mắc khi đưa ra đại trà đã được công nghệ sản xuất phân bón hóa giải. Công ty CP phân bón Bình Điền sản xuất các loại phân bón thương phẩm bán trên thị trường như DAP Avail, viên dúi sâu (FPD), phân vo viên Văn Điển NPK 5.10.13.

Avail là chất lỏng mầu nâu nhạt được sử dụng làm áo phân lân dạng viên DAP, avail giúp không bị các cation biến thành dạng khó tiêu mà sử dụng dạng dễ tiêu cho cây trồng hấp phụ dẫn đến giảm được số lượng phân bón. Trước đây nếu bón 100 kg DAP thì nay chỉ cần bón 60 kg DAP avial.

Phân viên dúi sâu (FDP): Năm 2013 ở Tuyên Quang doanh nghiệp sản xuất phân viên dúi sâu FDP, vụ mùa năm này đã bán được 2.000 tấn để bón trên diện tích 9.000 ha, năng suất ruộng lúa bón phân dúi sâu FDP tăng 13-17%, lợi nhuận bón phân FDP là 1,07 triệu đồng/ha.

Phân vo viên Văn Điển NPK 5.10.3 có bổ sung một số nguyên tố trung lượng (S,MgO, CaO…) bón cho cây trồng năng suất cũng tăng lên khoảng trên dưới 15% so đối chứng.

Nhìn lại thấy rằng phong trào làm và bón phân viên bằng phương pháp thủ công trước đây tuy đã thất bại nhưng ý tưởng khoa học của việc bón phân viên là thực tế và đã được giải quyết thành công nhờ có công nghiệp phân bón phát triển.

 **6. XỬ LÝ LÚA XUÂN TRỖ SỚM**

Vụ lúa Đông Xuân ở Miền Bắc là vụ lúa chính trong năm, thắng lợi của vụ lúa Đông Xuân sẽ quyết định sản lượng lúa cả năm vì vụ lúa này có năng suất cao, sản lượng lớn. Nếu như sản xuất lúa mùa ở Miền Bắc chịu ảnh hưởng lớn bởi úng lụt, mưa bão thì sản xuất vụ lúa Đông Xuân lại bị ảnh hưởng bởi hạn và biến động của nhiệt độ (rét, ấm). Những năm rét nặng làm mạ và cấy lúa khó khăn hay bị chết mạ, chết lúa nhưng thường là vụ được mùa lớn. Những năm vụ Đông Xuân ấm, làm mạ, cấy lúa thuận lợi nhưng thường là vụ thu hoạch kém vì mạ già, lúa trỗ sớm.

Vụ lúa Đông Xuân 1986-1987 là một vụ ấm đến lạ thường, lúa Xuân cấy xong được ít ngày đã trỗ sớm vào đầu tháng 3. Trong tình hình ấy Vụ Trồng trọt đã tham mưu cho Bộ chỉ đạo, xử lý tình trạng ấy như thế nào?

**a. Về thời tiết**: Tổng kết biến đổi thời tiết 36 năm từ 1956-1991 như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Dạng thời tiết** | **Số năm** | **Tỷ lệ** | **Tích ôn** | **(o C)** |
| **Đông Xuân** | (năm) | (%) | **Từ tháng 11-4** | **Từ tháng 12-2** |
| Năm rét | 10 | 27,8 | 3.256-3.447 | 1.333-1.473 |
| Năm rét vừa | 17 | 47,2 | 3.447- 3.625 | 1.473- 1.613 |
| Năm ấm | 9 | 25,0 | 3.625- 3.812 | 1.613- 1.753 |

 (Nguồn Vụ Trồng trọt)

Nhiệt độ trung bình của các tháng từ tháng 12 đến tháng 7 vụ Đông Xuân 1986-1987 đều cao hơn trung bình nhiều năm, trong đó các tháng 1 đến tháng 2 gần 20C. Trong điều kiện đó một bộ phận diện tích lúa Xuân tập trung ở trà Xuân sớm và Xuân chính vụ, đã đẩy thời vụ gieo sớm hơn lịch chỉ đạo nên nhiều diện tích đã trỗ sớm trong khung thời vụ không an toàn.

Vụ Đông Xuân 1986-1987 có thể coi là Vụ Đông Xuân ấm nhất trong các Vụ Đông Xuân ấm. Những năm có Vụ Đông Xuân ấm tích ôn 3 tháng 12, 1 và 2 dao động 1.613-1.759 0C (Nguồn Quách Ngọc Ân và nhóm Tổng kết 18 năm làm lúa Xuân do Giáo sư Viện sỹ Đào Thế Tuấn chủ trì) nếu tích ôn thời kỳ mạ vượt quá 1.500 0C là gay rồi, mạ có nguy cơ già ống, lúa cấy có khả năng trỗ sớm khoảng giữa tháng 2 đầu tháng 3, năng suất sẽ kém vì dễ gặp nhiệt độ thấp khi lúa đang phân hóa đòng.

Nhiệt độ trung bình tháng của Đông Xuân 1986-1987. (0 C)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tháng | 11 | 12 | 1 | 2 | 3 | 4 | 11-4 | 12-2 |
| **Cả tháng** | 21,2 | 19,1 | 19,1 | 20,3 | 22,7 | 24,0 | - | - |
| **Tuần thứ 2** | 19,9 | 23,7 | 19,9 | 22,7 | 14,7 | 22,6 | - | - |
| **Kiểu ấm 1** | A | T | A | A | T | A | A | A |
| **Kiểu ấm 2** | T | T | T | A | T | A | A | A |

Ghi chú: A = Ấm

 T = Bình thường.

Những năm Đông Xuân ấm kiểu 1 là: 1959-1960, 1965-1966, 1980-1981,

 1990-1991 (5 vụ ĐX trong 36 vụ, chiếm 13,9%)

 Đông Xuân ấm kiểu 2: 1964-1965, 1968-1969, 1972-1973, 1974-1975.

 (4 vụ ĐX trong 36 vụ, chiếm 11,1%).

Vụ lúa Đông Xuân 1986-1987 rơi vào năm ấm kiểu 1 nên tình trạng xẩy ra rất đáng lo lắng đối với bộ phận diện tích trà xuân sớm và chính vụ gieo mạ quá sớm vượt khung thời vụ chỉ đạo. Tập trung chủ yếu ở ĐBSH, Trung du và Khu 4 cũ. Diện tích trà Xuân sớm và Xuân chính vụ Đông Xuân 1986-1987 khoảng 30% (trên 635.000 ha). Diện tích lúa trỗ sớm 32.000 ha.

**b. Về chỉ đạo xử lý**

Trước tình hình cuối tháng 2 đầu tháng 3 đã có lúa trỗ loi thoi trên đồng, nhiều nơi hoang mang, nhiều tỉnh phản ánh lên Bộ Nông nghiệp, Bộ cho đoàn đi các địa phương kiểm tra thấy tình hình đáng lo ngại. Bộ tổ chức ngay một cuộc họp gồm các nhà khoa học, các nhà quản lý và chỉ đạo sản xuất để bàn biện pháp xử lý gấp.

Sau khi trao đổi, bàn bạc Hội nghị nhất trí và Bộ có chủ trương xử lý như sau:

a. Với những ruộng lúa trỗ sớm quá nhiều thì cho nhổ lúa và cho cấy lại.

Biện pháp này dựa trên cơ sở một số ý kiến cho rằng, bây giở mới là đầu tháng 3, những ruộng lúa trỗ sớm nhiều có thể phá đi cầy bừa gieo cấy lại, có thể gieo thẳng bằng giống ngắn ngày như CN2 hoặc cả CR203 lúa vẫn trỗ trong tháng 5, bảo đảm cho thu hoạch tốt. Nơi nào còn mạ dự phòng thì tiếp tục cấy.

b. Với những ruộng lúa trỗ ít thì thực hiện biện pháp nhổ hoặc cắt những nhánh đã trỗ, tiếp tục chăm sóc bằng cách:

- Điều tiết nước trên ruộng chỉ giữ một lớp nước xăm xắp (2-3cm)

- Bón thêm mỗi sào Bắc bộ (360 m2) 1kg Urê + 0,5kg Kali, bón đều trên mặt ruộng.

- Chú ý phát hiện sớm, phòng trừ kịp thời sâu bệnh nhất là bệnh đạo ôn.

c. Với những chân ruộng khác thì tích cực chăm bón như trên để lúa tiếp tục đẻ nhánh, kéo dài thời gian sinh trưởng, để lúa trỗ chậm lại.

Sau hội nghị, một phong trào xử lý lúa trỗ sớm được triển khai rầm rộ xuống các địa phương.

Hà Nội là địa phương thực hiện việc nhổ lúa trỗ sờm cấy lại mạnh mẽ nhất. Thời gian này ông Nguyễn Công Tạn là Phó Chủ tịch Hà Nội về thị sát ở Dông Ạnh làm việc với Huyện ủy và Ủy ban Nhân dân huyện đã ra chủ trương (không bằng văn bản): Tất cả diện tích lúa gieo cấy sớm so với thời vụ chỉ đạo mà đã trỗ nhiều hoặc có đòng già thì phải nhổ đi cấy lại, phải thực hiện khẩn trương may ra thì còn kịp cứu vãn. Nhiều hợp tác xã đã chấp hành, hồ hởi tham gia nhổ lúa cấy lại cũng vui như ngày hội xuống đồng đầu xuân. Tuy vậy, cũng còn nhiều hợp tác xã chần chừ không tha thiết làm, Thế là ông Tạn ra lệnh nếu xã nào không làm sẽ cách chức Bí thư Đảng ủy xã và bãi miễn chủ nhiệm hợp tác xã và thực tế ông đã đề nghị cách chức một Bí thư Đảng ủy xã.

Ở các tỉnh khác cũng phát động mạnh mẽ phong trào xử lý lúa trỗ sớm nhưng biện pháp nhổ lúa cấy lại không mạnh mẽ như Hà Nội mà nông dân chọn phương thức xử lý nhổ cắt dảnh lúa đã trỗ, tiếp tục bón phân chăm sóc nhiều hơn.

Kết thúc vụ Đông Xuân, tổng kết lại mấy biện pháp xử lý lúa trỗ sớm do gặp thời tiết ấm có kết quả như sau:

1. Biện pháp nhổ lúa gieo cấy lại năng suất không cao, một số diện tích năng suất rất thấp hoặc không được thu hoạch vì lý do sau đây:

- Phần lớn những ruộng nhổ lúa cấy lại hoặc gieo thẳng lúa đều trỗ muộn cuối tháng 5, có ruộng sang đầu tháng 6, gặp thời tiết nóng.

- Ruộng gieo thẳng do khi lúa non trên đồng bị trĩ phá hoại rất nặng.

- Một số nơi làm xôi đỗ giữa các biện pháp ruộng thì phá đi gieo cấy lại, ruộng thì để lại nhổ dảnh trỗ sớm rồi chăm sóc kết quả là khi ruộng để lại chăm sóc đã thu hoạch hết thì ruộng cấy lại vẫn còn trên đồng, chuột bọ, sâu bệnh tập trung phá hại nên năng suất rất thấp.

Chưa kể cả độ trễ thời gian từ khi chủ trương của Bộ đến khi triển khai đến hợp tác xã chậm đến 10 ngày có nơi nửa tháng cộng với tư tưởng của nông dân không thiết tha với biện pháp nhổ lúa cấy lại vì rất diệu vợi, tốn công tốn của. Đánh giá tổng quát lại thấy rằng biện pháp nhổ lúa cấy lại là không hiệu quả.

2. Biện pháp nhổ dảnh lúa đã trỗ, tích cực chăm sóc hiệu quả hơn biện pháp nhổ lúa cấy lại vì:

- Dảnh lúa trỗ sớm chủ yếu là bông cái hoặc các nhánh cấp 1, bông ngắn ít hạt, rất dễ bị lụi đi, nếu nhổ đi chăm sóc tốt lúa tiếp tục đẻ nhánh tiếp.

- Khi chăm sóc, bón thêm đạm và kali cộng với việc dùng bừa chữ Nhi hoặc bừa cỏ Nghệ An, khung rộng, bừa ngang một lần, bừa dọc một lần kích thích việc để nhánh tiếp và kéo dài thời gian sinh trưởng của lúa.

Biện pháp này được đánh giá là khả quan, năng suất lúa hơn hẳn biện pháp nhổ lúa cấy lại.

Vụ Đông Xuân 1986-1987 là vụ ấm nhất trong các vụ Đông Xuân ấm nên năng suất lúa nói chung thấp. Năng suất vùng Đồng bằng sông Hồng chỉ đạt 22,2 tạ/ha, giảm 10,1 tạ/ha so với vụ Đông Xuân 1985-1986 và giảm 18,1 tạ/ha so với vụ Đông Xuân 1987-1988. Hà Tây giảm 2 tạ/ha do cấy giống NN8 là giống chủ lực bị đạo ôn và bạc lá nặng. Nhiều tỉnh đã mở rộng gieo cấy giống CR203 vào cả trà Xuân chính vụ, lúa bị trỗ sớm, năng suất rất kém. Ở Vĩnh Phú, diện tích CR203 chiếm 46,6%, số diện tích CR203 cấy vào trà chính vụ năng suất chỉ đạt 6,7 tạ/ha. Ở Hải Hưng, tỷ lệ CR203 chiếm 42% trong đó một nửa diện tích đưa vào Xuân chính vụ chỉ đạt năng suất 15 tạ/ha. Một số hợp tác xã đã đưa giống lúa trà Xuân chính vụ như Xuân số 2, Xuân số 4, 13/2 cấy vào trà lúa chiêm (1-10/11), ngược lại lại đưa giống trà Lúa chiêm như C37, C180 vào gieo cấy trà Xuân chính vụ, sự lộn xộn này đưa đến năng suất chỉ đạt 25 tạ/ha trong khi đó huyện Hải Hậu, Hà Nam Ninh gieo đúng trà đã đạt 47,2 tạ/ha. Cũng ở Hà Nam Ninh, huyện Thanh Liêm giống CR203 chiếm tới 84,8% trong đó cấy CR203 vào trà Chính vụ năng suất chỉ đạt 5,9 tạ/ha.

Qua Vụ Đông Xuân 1996-1997, ngành nông nghiệp không những rút ra được bài học đắt giá về xử lý lúa trỗ sớm mà cũng rút được nhiều kinh nghiệm về bố trí các trà lúa, các giống lúa vào các trà cho phù hợp, giúp xử lý những trường hợp tương tự xẩy ra trong các năm sau.

 **7. NHÂN KHOAI TÂY BẰNG INVITRO**

Trung tâm Công nghệ sinh học thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam do Giáo sư Nguyễn Quang Thạch là giám đốc đã chỉ rõ: Việc nuôi cấy mô (tissue culture) là quá trình nuôi cấy vô trùng invitro. Nhân giống Invitro propagation còn gọi là nhân giống Micro propation dùng các bộ phận như đỉnh chồi (Shoot tip) bao gồm mô phân sinh đỉnh riêng rẽ (Single apical meristem) và mầm lá non (young leaf primordis) để kéo dài chồi (shoot elongation) ngay sau đó kiểu nuôi cấy này được dùng đầu tiên để làm sạch virus (virus free) ở thực vật. Phương thức này dùng để nhân giống cây 1 lá mầm: Hoa lan, dưa, huệ, chuối… hoặc 2 lá mầm như khoai tây, cà chua, cúc.

Áp dụng công nghệ sinh học để chọn tạo và nhân giống cây trồng, Trung tâm công nghệ của Giáo sư Nguyễn Quang Thạch đã chuyển giao kỹ thuật và đưa vào sản xuất nhiều giống cây trồng mới nhất là các loại hoa.

Nhưng về nguyên lý, phương pháp, kỹ thuật và chuyển giao công nghệ thì việc nhân giống và làm sạch bệnh cây giống đã được giải quyết căn bản chỉ còn phụ thuộc về điều kiện vật chất và khả năng tiếp thu của nông dân.

Tuy vậy, việc phát triển sản xuất khoai tây vẫn hết sức khó khăn và không ổn định, vấn đề vẫn là giống và giống chất lượng cao, sạch bệnh. Kết quả nghiên cứu khoa học tạo giống khoai tây sạch bệnh bằng phương pháp invitro đã thành công. Nhưng từ nghiên cứu tới đồng ruộng là cả một con đường gập ghềnh, nhiều khó khăn nên trồng khoai tây đại trà vẫn chủ yếu bằng giống tự bảo quản. Trung tâm nghiên cứu và phát triển cây có củ (thuộc Viện Cây Lương thực và Cây thực phẩm) đặt tại Đà Lạt mỗi năm sản xuất được 1,5 triệu củ giống chỉ đủ cung ứng cho sản xuất 200 tấn giống khoai tây nguyên chủng để rồi sản xuất 2.000 tấn giống khoai tây xác nhận đưa vào sản xuất đại trà, với số lượng này cũng còn xa mới tiếp cận được yêu cầu.

Những số liệu dưới đây để tham khảo về sản xuất giống khoai tây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Năm | Diện tích(1000 ha) | Năng suất(Tấn) | Sản lượng(1000 tấn) |
| 1971 | 5,4 |  8,36 | 45,2 |
| 1976 | 25,5 | 10,20 | 260,3 |
| 1980 | 68,8 |  8,37 | 576,0 |
| 1985 | 23,6 |  7,99 | 188,6 |
| 1990 | 32,2 |  9,99 | 361,6 |
| 1995 | 27,2 |  8,93 | 247,2 |
| 2000 | 28,0 | 11,57 | 342,1 |

Ở tỉnh Thái Bình đã ứng dụng khoa học kỹ thuật nhân giống khoai tây bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào, kỹ thuật giâm ngọn khoai tây bầu để sản xuất giống khoai tây sạch bệnh, cung ứng được một lượng giống khoai tây cho sản xuất đại trà.

Hiện nay thị trường khoai tây mới chỉ đáp ứng được khoảng 40% nhu cầu tiêu dùng nhưng không vì thế mở rộng trồng khoai tây ồ ạt vì thiếu những cân đối trong sản xuất. Theo Cục Trồng trọt trong 5 năm (1998-2003) phát triển khoảng 30.000 ha khoai tây, 5 năm tiếp theo khoảng 35-36 ngàn ha, năng suất bình quân khoảng 18-20 tấn /ha, đưa giá trị khoai tây đạt 100-120 triệu đồng/ha.

Việc nhân giống khoai tây bằng phương pháp nuôi cấy mô thực chất chỉ là nhân giống siêu nguyên chủng sạch bệnh. Từ nguồn giống sạch bệnh này tiếp tục nhân để có giống cho sản xuất đại trà. Mong muốn nhân giống bằng phương pháp nuôi cây mô để cung cấp giống cho sản xuất đại trà là khó thực hiện. Tại các nước trồng khoai tây tiên tiến trên thế giới như Hà Lan, Đức… hiện nay họ vẫn sản xuất giống trên đồng ruộng có khác là họ có khu sản xuất giống riêng, áp dụng quy trình kỹ thuật riêng để sản xuất ra giống khoai tây có chất lượng tốt, sạch bệnh, năng suất giống cao cung cấp cho sản xuất đại trà.

**8. NHẬP SỞ CÀNH MỀM**

Cây sở được trồng ở nước ta từ lâu đời và ở các địa phương cũng có những tên gọi khác nhau như: Sở, Chè dầu, Trà mai, Du trà, May Slở (vùng đồng bào Tày). Sở trồng chủ yếu ở các tỉnh miền núi: Lạng Sơn, Cao Bằng, Quảng Ninh, Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Lào Cai, Phú Thọ, Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An và Quảng Trị. Chị Phan Thị Hạnh ở xóm 26/3 xã Tân Thắng, huyên Quỳnh Lưu, Nghệ An cho biết: Ở địa phương có cây sở trên 70 tuổi vẫn cho thu hoạch (2018), năng suất sở khoảng 7 tấn quả tươi/ha bằng 3 tấn hạt khô/ha, giá khoảng 12-15 ngàn đồng/kg, hạt sở đạt tiêu chuẩn xuất khầu giá 25-30 ngàn đồng/kg. Nói chung sau khi trừ chi phí lãi ròng cũng được 70-100 triệu đồng/ha/năm.

Ông Doãn Trí Tuệ, nguyên Trưởng phòng Trồng trọt Sở Nông nghiệp và PTNT Nghệ An cho biết: Trong chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Nghệ An được phân bổ 100.000 ha. Tỉnh chủ trương trồng xen sở 6.000 ha ở Tân Kỳ, Nghĩa Đàn, Quỳ Hợp, Quỳ Châu, Quỳnh Lưu, Yên Thành. Tư tưởng chỉ đạo của tỉnh là đưa sở phủ xanh đất trống đồi núi trọc và xóa đói giảm nghèo.

Tuy nhiên, trồng sở dân nói: Khổ vì sở, huyện Tân Kỳ được tỉnh giao trồng 1.000 ha phân bổ cho các xã Nghĩa Bình, Hương Sơn, Phú Sơn, Nghĩa Hành, Giai Xuân, Đồng Văn, Tiên Kỳ… Nhưng hãy xem gia đình anh Vinh ở Nghĩa Bình trồng 2 ha năm 2002, sau 5 năm chờ đợi được thu hoạch, hy vọng bán được 4.000 đồng/kg nhưng khi thu hoạch không có ai mua nên đành chặt bỏ.

Huyện Nghĩa Đàn năm 2000 tỉnh giao trồng 1.000 ha (Riêng Lâm trường Nghĩa Đàn trồng 500 ha). Sở trồng phân tán trong dân đúng là “khổ sở”. Có gia đình trồng 5 ha thu hoạch hạt không có ai mua nên đã chặt bỏ cả 5 ha để trồng bạch đàn, keo, sắn. Những gia đình nào trồng theo dự án 661 được bao tiêu đầu ra thì trụ lại được như gia đình chị Đào Thị Lượng trồng 2 ha, mỗi năm thu hoạch được 4 tấn hạt khô, giá bán tùy theo từng loại từ 4.000 đồng đến 25-30 ngàn đồng/kg, cũng có gia đình trồng sở để ép lấy dầu dễ tiêu thụ sản phẩm hơn.

Đối với sở cành mềm nhập từ Trung Quốc theo thông tin cố Bộ trưởng Nguyễn Công Tạn có được thì rất hay, thời kỳ kiến thiết cơ bản ngắn hơn, năng suất cao hơn, hàm lượng và chất lượng dầu khá hơn so với sở truyền thống của ta. Thực ra đối với anh em khuyến nông triển khai việc trồng sở cành mềm cũng chỉ là “Văn kỳ thanh bất kiến kỳ hình” hiểu nôm na là nghe nói thì hay nhưng nào có nhìn thấy.

 Phát triển sở truyền thống đã khó, thí điểm mở rộng sở cành mềm còn khó hơn. Ở cơ sở vườn ươm Tản Lĩnh (Hà Nội), Cầu Hai (Phú Thọ), tỷ lệ cây sống không cao chỉ đạt khoảng 60-70%. Khi đưa ra đại trà tính chịu đựng và thích nghi với ngoại cảnh không bằng giống sở truyền thống của ta. Người trồng vất vả chăm sóc đến khi hết kinh phí hỗ trợ thì sở cành mềm cũng lụi dần theo khả năng tài chính đầu tư cho phát triển. Đến thăm những nơi có trồng sở cành mềm, bà con hài hước nói: “Sở cành mềm đã thành sở cành nhũn cả rồi”.

Sau khi đi thăm vùng trồng sở cành mềm ở Quảng Tây và Quý Châu bên Trung Quốc chúng tôi thấy rõ họ trồng thắng lợi vì trồng thành vùng tập trung rộng lớn, có viện nghiên cứu về giống và các biện pháp kỹ thuật, có nhà máy chế biến đến sản phẩm dầu và các chế phẩm khác còn ở ta trồng lẻ tẻ như vậy, chế biến không có thì không thể phát triển thành một ngành kinh tế hàng hóa được.

**9. KHU KINH TẾ THANH NIÊN (Thanh Sơn, Vĩnh Phú) hay câu chuyện CHUỐI LÊN ĐỒI**

Những năm đầu thập niên 70 của thế kỉ trước, xuất phát từ vị trí, vai trò chiến lược của Đoàn thanh niên trong thực hiện nhiệm vụ cách mạng, Ban Bí thư Trung ương Đoàn thanh niên Lao động Hồ Chí Minh đã tham mưu cho Trung ương Đảng về chủ trương “Xây dựng thí điểm khu kinh tế mới”, nhằm động viên đoàn viên thanh niên các tỉnh miền xuôi tình nguyện đi xây dựng các vùng kinh tế mới ở miền núi. Sau khi được chuẩn y, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 268/TTg ngày 23/12/1970 về việc cho phép Đoàn TNLĐ Hồ Chí Minh xây dựng khu kinh tế Thanh niên trên địa bàn 7 xã thuộc huyện Thanh Sơn, tỉnh Vĩnh Phú là: Tân Phú, Minh Đài, Mỹ Thuận, Văn Luông, Tam Thanh, Long Cốc và Văn Miếu. Quyết định do cố Tổng Bí thư Đỗ Mười (khi ấy là Phó Thủ tướng Chính phủ) ký ban hành.

Ngày 23/2/1971, hơn 600 đoàn viên thanh niên ưu tú đến từ 6 tỉnh, thành phố là Vĩnh Phú (nay là Phú Thọ và Vĩnh Phúc), Hải Hưng (nay là Hưng Yên và Hải Dương), Nam Hà (nay là Hà Nam và Nam Định), Thái Bình, Hải Phòng và Hà Nội đã tề tựu tại xã Minh Đài, huyện Thanh Sơn làm lễ ra quân thành lập Khu kinh tế Thanh niên.

Khu kinh tế Thanh niên được thành lập với hai nhiệm vụ chính là sản xuất nông - lâm - nghiệp, để tạo ra của cải vật chất, phục vụ sự nghiệp cách mạng, chiến đấu chống giặc Mỹ xâm lược, bảo vệ Tổ quốc và đào tạo nên lớp cán bộ ĐVTN “vừa hồng vừa chuyên” để chuẩn bị cho công cuộc xây dựng kinh tế đất nước sau giải phóng.

 Trung ương Đoàn cử ông Hoàng Ước lên làm Giám đốc và điều ông Nguyễn Công Tạn, lúc bấy giờ là Phó ty Nông nghiệp tỉnh Hòa Bình, Trưởng đoàn chỉ đạo sản xuất tình Hòa Bình lại là Thường vụ Ban Chấp hành Trung ương đoàn lên làm Phó Giám đốc. Ông Tạn đi đem theo hai đệ tử Khóa 5 là ông Nguyễn Xuân Hoàng, lớp cây trồng và ông Trần Đức Trừng lớp Bảo vệ thực vật.

 Khi bàn về kế hoạch sản xuất, ông Nguyễn Công Tạn, trước đây làm Giảng viên Bộ môn canh tác Học viện nông lâm, đã dạy môn Phổ thông canh tác lại rất hiểu đất đai vùng Thanh Sơn nên trồng cây gì có hiệu quả do vậy ông đề xuất trồng cây chè là chính và thêm cây dứa. Trong khi đó ông Hoàng Ước theo chỉ đạo của Trung ương Đoàn là trồng cây chuối và lại cũng được hai ông Nguyễn Xuân Hoàng và ông Trần Đức Trừng ủng hộ nên phương án trồng chuối đã thắng mặc dù ông Tạn không đồng tình với phương án này.

 Ông Hoàng Ước giao cho ông Trừng làm đội trưởng đội trồng chuối, ngay sau đó các đội sản xuất nhanh chóng triển khai nhiệm vụ. Những đội quân “chân quấn xà cạp, vai đeo súng trường, tay cầm dao cuốc” xông vào rừng phát quang bụi rậm, đào rãnh trồng chuối tiêu. Với khí thế thi đua của tuổi trẻ, Khu kinh tế Thanh niên đã phát động phong trào “8 - 2 - 2” tức là 8 giờ lao động sản xuất, 2 giờ học tập chính trị - văn hóa, 2 giờ luyện tập quân sự, thể dục thế thao.

Cả Khu kinh tế phấn khởi với những thành công bước đầu đạt được, đã xây dựng được khu nhà trung tâm khang trang, đẹp đẽ lại có được những vạt chuối ban đầu xanh tốt sắp đến kỳ thu hoạch.

Nhưng không ngờ Khu kinh tế đã bị Mỹ do thám và cho là khu quân sự mới xây dựng nên quyết định đánh phá. Đúng 11h trưa ngày 20/9/1972, giặc Mỹ điên cuồng đánh phá, trút 126 quả bom và nhiều rocket, phá hủy toàn bộ khu trung tâm và nhiều khu sản xuất, 45 đồng chí đã anh dũng hi sinh, 26 đồng chí khác bị thương khi đang làm nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu. Toàn bộ cơ sở vật chất dày công xây dựng trong suốt hơn một năm đã bị phá hủy hoàn toàn. Nén đau thương mất mát, những người còn lại vực dậy sản xuất. Toàn Đảng bộ lúc đó dấy lên cao trào hành động cách mạng mới là “Thương tiếc đồng chí vô cùng, căm thù giặc Mỹ vô hạn”, “Mỗi người làm việc bằng hai” để tri ân và vinh danh đồng chí, đồng đội.

Không phụ sự mong mỏi của Trung ương Đảng, Đoàn, những cán bộ, công nhân Khu kinh tế Thanh niên đã miệt mài, hăng say lao động, sản xuất. Đến tháng 10/1972, 150 tấn chuối đã được xuất khẩu sang Liên Xô (cũ).

Tuy nhiên sang năm 1973, việc xuất khẩu chuối sang Liên Xô bị tắc nghẽn, nhà máy chế biến không có, tiêu dùng nội địa khó khăn vì thiếu phương tiện vận chuyển, nhiều tấn chuối chín không được tiêu thụ, phải đổ bỏ. Khu Kinh tế bắt đầu bị trao đảo. Trước tình hình đó, Trung ương Đoàn rút ông Hoàng Ước về và đưa ông Nguyễn Công Tạn lên làm Giám đốc. Việc đầu tiên ông Tạn quyết định là thay ngay một phần diện tích trồng chuối chuyển sang trồng chè. trồng dứa, chăn nuôi lợn và trồng rừng. Giống chè được trồng bằng phương pháp dâm cành lấy từ trại Phú Hộ về. Vượt qua bao thử thách, cây chè đã phát huy hiệu quả khi trồng ở vùng đồi núi này. Hai năm sau, mấy chục ha chè mơn mởn xanh tươi mọc lên như lời khẳng định sự thay đổi đó là đúng đắn.

Năm 1977, Khu kinh tế Thanh niên chuyển giao cho Liên hiệp các xí nghiệp chè Việt Nam quản lý (tiền thân của Tổng công ty chè Phú Đa), sau đó tách thành ba xí nghiệp chè: Thanh Niên, Tân Phú, Phú Long. Không chỉ mở rộng trồng chè trên diện tích ba xí nghiệp, các kỹ sư còn vận động nhân dân các xã lân cận phát triển cây chè bằng cách giúp dân lập quy hoạch đất đai, hỗ trợ về giống và kỹ thuật. Tinh thần thanh niên, tác phong làm việc kỷ luật nghiêm túc đã biến các xã miền núi khó khăn của huyện Thanh Sơn trở thành vùng chè trù phú, xanh tươi. Hiện nay, đồi chè Long Cốc còn được bình chọn là một trong những đồi chè đẹp nhất cả nước.

 Nhìn lại thấy việc trồng chuối lên đồi là bài học đắt giá không những lúc bấy giở mà còn cho cả ngày hôm nay.

 Ở các tỉnh phía Nam, nông dân ở Trảng Bom, Thống Nhất, Định Quán, Xuân Lộc (Đồng Nai), Di Linh, Lâm Hà, Bảo Lộc, Đơn dương (Lâm Đồng) bà con vẫn có tập quán trồng chuối lên đồi, triền đồi và rẫy đá. Phần lớn chuối được trồng trên đất đỏ bazan và nhiều nơi được tưới với các giống chuối Già Hương, chuối Già Nam Mỹ, chuối Laba, năng suất cao, giao thông lại thuận lợi nên hiện nay thành vùng chuối cho xuất khẩu, dân có thu nhập khá.

 Các tỉnh ở Miền núi phía Bắc, đưa chuối lên đồi trong điều kiện phần lớn đất có độ phì thấp, độ dốc cao có nơi 40-50 độ, thiếu nước tưới nên năng suất thấp. Mặt khác, vận chuyển khó khăn, thị trường không ổn định, nhiều nơi trồng chuối hiệu quả thấp.

 Hiện nay, một số tỉnh đang phát triển trồng chuối lên đồi như Tuyên Quang, Phú Thọ, Điện Biên… nhưng do đầu ra không ổn định, nhiều nơi đã phải bàn lại quy hoạch trồng chuối làm sao đảm bảo không bị ứ thừa hoặc có nơi đã phải chuyển sang trồng cây khác hiệu quả hơn.

 **10. KHOAI SỌ LỆ PHỐ**

Lệ Phố là một huyện của Thành phố Quế Lâm, nằm phía bắc Khu tự trị dân tộc Choang, Quảng Tây, Trung Quốc với dân số khoảng 37 vạn người. Ở đây có giống khoai môn đặc sản được gọi là Khoai Lệ Phố.

Khoai Lệ Phố là một loại khoai rất ngon, được xem như đặc sản của Quảng Tây. Củ khoai to, nặng đến gần 1 ký, nhiều bột, có mùi thơm, vị hơi ngọt mát như đậu xanh. Chuyện rằng do quá ngon và nổi tiếng nên vua Càn Long hàng năm bắt người dân phải cống nạp khoai môn Lệ Phố. Trong bộ phim Tể tướng Lưu gù của Trung Quốc đã có giai thoại: Lưu Dung thấy dân Quảng Tây quá vất vả vì hàng năm phải vượt hàng ngàn cây số lên kinh thành để tiến khoai môn Lệ Phố cho vua. Lưu Dung thấy dân vất vả quá nên nghĩ ra mẹo thay khoai Lệ Phố bằng củ nâu dâng lên Càn Long. Vua ăn thấy chát, đắng nên từ đó không bắt cống nạp nữa.

Sau khi xem phim Tể tướng Lưu gù, Bộ trưởng Tạn bảo với anh em Trồng trọt: “Mình đọc tài liệu, Quế Lâm nó giầu lên nhở khoai môn Lệ Phố, các cậu cho nhập một ít về làm thử xem sao”.

Thực hiện gợi ý của Bộ trưởng, năm 1994-1995, Cục Khuyến nông và Khuyến lâm xây dựng mô hình khuyến nông trồng khoai môn Lệ Phố. Cục đã nhờ ông Lục Chí Khoan, một thương nhân người Quảng Tây chuyên buôn bán giống và các loại vật tư nông nghiệp khác từ Trung Quốc sang Việt Nam nhập giúp 5 tấn khoai Lệ Phố để trồng thử. Mô hình được xây dựng tại Yên Bái, Thái Bình và Thanh Hóa.

Sau hai năm trồng thí điểm, mô hình ở Thái Bình và Thanh Hóa không thành công do không phù hợp với khí hậu và đất đai ở các vùng này, năng suất rất thấp và chất lượng không tốt. Mô hình trồng tại Yên Bái năng suất cao nhưng chất lượng cũng không vượt trội hơn các giống khoai môn bản địa. Không biết ông Lục Chí Khoan có học tập kiểu lừa của Tể tướng Lưu Dung với vua Càn Long để mang giống khoai sọ chất lượng kém gắn mác Khoai sọ Lệ Phố để bán cho Việt Nam hay không mà trồng ở ta chất lượng không tốt, năng suất không cao nên trồng thử nghiệm đã không thành công.

Hiện nay ở Việt Nam có nhiều giống khoai môn như môn xanh, môn trắng, môn tím, môn tía, môn bạc hà, môn sáp, môn sen, môn thơm, năng suất cao, chất lượng tốt.

Ở vùng đất Lục Yên tỉnh Yên Bái, củ khoai môn (còn gọi là khoai tím, khoai mán, khoai sọ núi) được đánh giá cao trong văn hóa ẩm thực của đồng bào địa phương. Tương truyền, giống khoai này xuất xứ từ Trung Quốc. Sau khi được du nhập về đất Lục Yên, trải qua thời gian dài được canh tác trên đất nương, do hợp với khí hậu và thổ nhưỡng của vùng đất này mà củ khoai nơi đây có được những hương vị đặc trưng riêng. Khoai môn Lục Yên không hề kén đất, có khả năng chịu được hạn cao, ít bị sâu bệnh và có thể trồng xen với các loại cây khác. Từ củ khoai có màu sắc tím đẹp, độ dẻo cao, người Lục Yên có thể chế biến thành nhiều món ăn hấp dẫn như chè khoai môn, khoai môn chiên, bánh khoai môn, khoai hầm canh xương, xôi khoai.

 Ở Tây nguyên, nhiều nông dân huyện Đăk Đoa (tỉnh Gia Lai) đã chuyển đất trồng cà phê, hồ tiêu kém hiệu quả sang trồng khoai môn mang lại thu nhập khá.Phần lớn diện tích khoai môn được trồng ở các xã:Trang, Kon Gang, Kdang, thị trấn Đak Đoa… trồng giống khoai môn ruột vàng, ruột trắng, ruột lam. Khoai môn được trồng thành luống vun cao để dễ thoát nước.Khoai môn có đầu ra ổn định, hiệu quả kinh tế cao hơn nhiều lần so với cây trồng khác, kể cả khoai lang Lệ Cần”.

 Ở đồng bằng sông Cửu Long, các địa phương có diện tích trồng khoai môn lớn là huyện An Phú (An Giang), huyện Lấp Vò (Đồng Tháp) và huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh**.** Năng suất khoai môn vụ hè thu đạt từ 35-40 tấn/ha, cá biệt có nơi đạt 50 tấn/ha. Hiện tại, khoai môn được các thương lái thu mua và xuất sang thị trường Trung Quốc, Campuchia và sử dụng nội địa. Thương lái thu mua với giá từ 10.000 - 12.000 đồng/kg, sau khi trừ chi phí mỗi ha khoai môn nông dân có thể thu lợi nhuận từ 120 - 150 triệu đồng, cao gấp 5 - 6 lần so với trồng lúa.

 Tuy vậy, khoai môn đến nay vẫn chưa thành vùng sản xuất lớn và chưa thể thành mặt hàng chủ lực trong nền kinh tế.

 **II. NHỮNG MẤT MÁT VỀ CON NGƯỜI CỦA CỤC TRỒNG TRỌT**

 Trong những năm từ 1976-1984 có một sự trùng lặp đến lạ kỳ là cứ cách 2 năm đến năm chẵn thế nào cũng có một cán bộ của Cục ra đi vì tai nạn. Thời gian đó trở thành nỗi ám ảnh với anh em công tác trong Cục, cứ đến năm chẵn là mọi người nơm nớp lo sợ không biết ai sẽ ra đi.

 **1. Ông Lê Thảo**: Sinh năm 1938, nhà ở phố cổ Hàng Ngang, Hà Nội. Năm 1958 ông vào học Khóa 3, Trường Đại học nông nghiệp Hà Nội. Năm 1961 ra trường, ông được phân công về công tác tại Vụ Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và phụ trách cây lúa. Ông dáng người to khỏe, thông minh, sốc vác có rất nhiều tài, trong cơ quan ai cũng quý mến. Ông là người chính gốc Hà Nội, gia đình cũng khá giả nên năm 1974 ông đã có một chiếc xe máy trong lúc đó chiếc xe đạp còn là mơ ước của hàng triệu con người. Thời ấy xăng là mặt hàng chiến lược, nhà nước quản lý và phân phối, chưa có cây xăng bán như bây giờ mà mỗi đơn vị thường chứa vào các thùng phi, các téc để cấp cho các xe ô tô. Xe máy thì thường dự trữ xăng trong các can đựng xăng, bao giờ cần thì đổ từ can vào xe.

 Năm ấy gần tết, ông Thảo lấy can xăng đổ vào xe, không để ý chỗ đổ xăng lại gần một chiếc bếp dầu đang đun, thế là lửa bắt từ bếp vào can xăng. Lửa bùng lên chùm vào người ông Thảo, ông bị bỏng nặng, người nhà mang ngay vào bệnh viện cấp cứu. Do bị bỏng xăng lại bị bỏng khá nặng nên sau một tuần cấp cứu ông đã không qua khỏi và mất vào đúng ngày mồng bốn tết năm 1976. Cục mất đi một người cán bộ tài năng.

 **2. Ông Dương Văn Thông:** Ông Thông sinh năm 1938, người xã Dân Tiến huyện Khoái Châu tỉnh Hưng Yên. Ông được cử đi học ở Trung Quốc tương đương với khóa 3 trường Đại học nông nghiệp Hà Nội. Sau khi tốt nghiệp về nước, ông được phân công về công tác tại Vụ Trồng trọt Bộ Nông nghiệp theo dõi chuyên về cây đay. Ngày ấy anh em ở xa, không có nhà ở Hà Nội, Vụ bố trí cho ở nhà tập thể P18, đường Hoàng Hoa Thám, trong làng Ngọc Hà. Trong căn nhà 3 tầng đó Vụ Trồng trọt được bố trí hai phòng trên tầng 3 cho anh em tập thể ở, tổng cộng có 8 người.

 Một buổi chiều vào tháng 7 năm 1978, sau khi hết giờ làm việc, ở tập thể không có việc gì nhiều nên ông còn lán lại cơ quan. Buổi chiều bọn trẻ ngoài phố thường vào Bộ nhặt sấu rụng. Khoảng 5 giờ chiều hôm ấy bọn chúng vào nhặt sấu gặp ông, chúng nhờ ông hái cho chúng ít quả. Ông chiều các cháu trèo lên cây sấu trước cơ quan để hái cho các cháu. Thấy cành sấu trên ngọn nhiều quả lại quả to nên ông trèo lên gần ngọn sấu để hái. Ngọn sấu to bằng bụng chân nhưng không ngờ ngoài vỏ vẫn còn xanh nguyên mà trong ruột gỗ đã bị sâu tiện đứt chỉ còn một chút ở trong lõi. Một tay giữ cành, một tay với bứt sấu. Chẳng may ngọn sấu bị gẫy thế là cả người ông theo ngọn sấu rơi xuống đất ở độ cao khoảng 5 mét. Rất không may sau gáy ông lại đập trúng vào gờ gạch xây chắn đường đi và vườn hoa, ông bất tỉnh. Trẻ con báo bảo vệ, bảo vệ hô hoán, mọi người còn lán lại trong cơ quan xúm vào đưa ông đi bệnh viện cấp cứu nhưng vì nặng quá ông đã không qua khỏi. Cơ quan cùng gia đình đưa ông về Dân Tiến, Khoái Châu quê ông. Vụ mất thêm một người cán bộ hiền lành, đức độ và tài năng vào năm chẵn năm 1978.

 **3. Ông Đặng Xuân Nghiêm:** Ông thuộc lớp cán bộ cũ được đào tạo cùng thời với ông Dương Hồng Hiên, Lã Xuân Đĩnh, Vũ Công Hậu… Ông công tác ở Bộ Nông trường. Năm 1971 thành lập Ủy ban Nông nghiệp Trung ương, các bộ sát nhập, ông về công tác tại Cục Cây công nghiệp, cây ăn quả và cây làm thuốc phụ trách Tổ Cây công nghiệp. Năm 1977 thành lập Vụ Trồng trọt do ông Nguyễn Công Tạn là Vụ trưởng, ông Trần Việt Chy làm Vụ phó thì ông về Vụ phụ trách Tổ Cây công nghiệp.

 Vào năm 1980, Vụ tổ chức một đoàn cán bộ đi công tác các tỉnh Nam Trung bộ để kiểm tra sản xuất. Đoàn do ông Vụ phó Trần Việt Chy dẫn đầu, trong đoàn có ông Đặng Xuân Nghiêm và ông Huỳnh Cát phụ trách cây thuốc lá. Đoàn kiểm tra một tuần ở các tỉnh Nam Trung bộ. Trên đường trở về đến tỉnh Phú Khánh cũ (Phú Yên, Khánh Hòa sát nhập lúc đó), khi đến một con đèo ở huyện Sông Cầu (nay thuộc Phú Yên) bất ngờ xe bị mất lái và đổ nghiêng xe xuống bên đường. Lái xe ôm vô lăng không việc gì. Ông Trần Việt Chy ngồi ghế trước khi xe đổ ông đã chủ động nắm chắc tay vịn nên cũng chỉ bị xây xước nhẹ. Ông Nghiêm và ông Cát ngồi sau bị động khi xe lật, ông Nghiêm ngồi bên xe lật xuống đường nên đầu đập vào khung xe bị ngất lịm tại chỗ. Ông Cát đè lên ông Nghiêm cũng bị bất tỉnh. Ông Chy và lái xe thoát ra khỏi xe và mở cửa kéo được hai ông ra thì các ông ngất lịm. Ông Chy và lái xe cùng dân bên đường đưa hai ông vào bệnh viện huyện Sông Cầu cấp cứu. Ông Cát tỉnh dần nhưng trong tình trạng hoảng loạn còn ông Nghiêm bất tỉnh. Bệnh viện nói ông bị xuất huyết não nặng và sau mấy tiếng đồng hồ thì ông chút hơi thở cuối cùng tại Bệnh viện Sông Cầu.

 Được tin xe bị tai nạn và ông Nghiêm mất, Bộ và Vụ Trồng trọt điện giao cho ông Chy làm việc với tỉnh Phú Khánh, huyện Sông Cầu và bệnh viện hỗ trợ để đưa thi hài ông Nghiêm về Hà Nội. Được tỉnh và huyện đồng ý và giúp đỡ ông Chy làm việc với bệnh viện, mua áo quan, đóng một cái quách bằng kẽm để đưa ông Nghiêm về. Chuẩn bị xong hết ba ngày, thuê một xe cứu thương của Bệnh viện Sông Cầu, cùng ông Chy ông Cát đưa ông Nghiêm ra Hà Nội.

 Ngày ấy đường xấu, xe đi gần hết hai ngày mới đến Hà Nội, buổi chiều hôm ấy cán bộ cả Vụ xuống Ngọc Hồi đón xe. Khoảng ba giờ chiều xe về đến nơi, mọi người cùng gia đình đưa ông vào nghĩa trang Văn Điển làm lễ truy điệu và an táng ông ở đấy. Thế là Vụ lại mất một cán bộ kỳ cựu, lại cũng vào một năm chẵn, năm 1980.

 **4. Ông Lê Văn Hoằng:** Ông Lê Văn Hoằng người thôn Bầu, xã Kim Chung, huyện Đông Anh thành phố Hà Nội. Năm 1960 ông vào học Khóa 5, Trường Đại học nông nghiệp Hà Nội. Năm 1964 ra trường ông được phân công công tác về Vụ Trồng trọt và phụ trách cây lúa. Ông vốn là nông dân rất chân thực, năng nổ, hoạt bát và có tính khôi hài. Sau nhiều năm công tác ở Vụ, ông là một cán bộ chuyên môn giỏi về cây lúa của Bộ Nông nghiệp. Anh em trong Vụ và bạn hữu rất quý mến ông. Đến công tác ở đâu ông cũng được cán bộ địa phương và nông dân rất tin cậy. Do ông có tính khôi hài nên ông tả vợ ông cho anh em nghe: Vợ ông răng đen hạt na, ăn trầu. đội khăn mỏ quạ, chân giao chỉ đi hình chữ bát…anh em đều cho là ông bịa. Ngày ấy cứ đến tết, Vụ lại giao người tìm mua một con lợn để làm thịt chia cho anh em ăn tết. Tết ấy ông nhận về làng ông mua cho Vụ. Giáp tết, hẹn ngày chúng tôi xuống nhà ông để làm thịt lợn. Về thôn Bầu, hỏi mãi mới tìm đến nhà ông. Chúng tôi vào nhà, ông không có ở nhà, thấy một người phụ nữ rất già, răng đen, đội khăn mỏ quạ từ trong nhà ra đón chúng tôi. Ngỡ ngàng, không biết bà này là chị hay quan hệ thế nào với ông Hoằng nên đành hỏi một câu lấp lửng: Chúng tôi cùng cơ quan anh Hoằng, hôm nay anh hẹn đến làm thịt lợn, không biết anh có nhà không ? Chị ấy đon đả trả lời: Ông ấy nhà em đang sang nhà bán lợn, mời các bác vào nhà chờ nhà em một chút. Gặp vợ ông Hoằng mới thấy là ông ấy tả vợ thật chứ không phải khôi hài, có lẽ chị ấy phải hơn ông Hoằng vài tuổi.

 Năm 1981, Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Mông Cổ có ký kết một văn bản, Việt Nam cử chuyên gia sang giúp Mông Cổ thí điểm sản xuất lúa. Bộ Nông nghiệp cử hai ông giỏi nhất về lúa của Việt Nam là ông Nguyễn Trọng An, Trưởng phòng Cây lương thực và ông Lê Văn Hoằng chuyên về lúa sang giúp Mông Cổ. Hai ông sang Mông Cổ được Bộ Nông nghiệp Mông Cổ bố trí làm thực nghiệm tại một nông trường cách thủ đô Ulan Bator gần 500 km. Vụ hè năm 1981, hai ông làm thực nghiệm vụ đầu tiên có kết quả khả quan. Sang năm 1982 các ông tiếp tục làm vụ thứ 2. Vào ngày Quốc khánh của nước Mông Cổ (11/7), anh em cán bộ nông trường được nghỉ Quốc khánh họ tranh thủ về nhà cả chỉ còn lại một số anh em trực ở nông trường. Đêm hôm ấy ông Hoằng bỗng nhiên thấy đau bụng dữ dội, ông An liền đưa lên bệnh xá nông trường, y tá trực cũng không đoán được là bệnh gì, anh em ở nông trường thì về nhà hết, phương tiện đưa đi cấp cứu không có nên đành phải ở lại nông trường để chờ. Nhưng đến hôm sau ông Hoằng lả dần và mất ở Nông trường. Sau ngày Quốc khánh, cán bộ nông trường đến đưa ông Hoằng lưu ở một bệnh viện. Ở đây, bệnh viện xác định ông bị xuất huyết dạ dày, không cầm máu kịp nên đã mất. Được tin ông Hoằng mất, Chính phủ Việt Nam và Bộ Nông nghiệp đề nghị phía Mông Cổ giúp đỡ để đưa thi hài ông Hoằng về Việt Nam. Chính phủ và Bộ Nông nghiệp Mông Cổ nhiệt tình giúp đỡ và tạo mọi điều kiện để đưa ông Hoằng về. Đại sứ Việt Nam tại Mông Cổ được giao làm các thủ tục pháp lý. Mọi thủ tục làm nhanh gọn, thi hài ông Hoằng được để trong áo quan, ngoài bảo vệ bằng quách tôn kẽm và giao ông Nguyễn Trọng An theo máy bay đưa từ Mông Cổ về sân bay Nội Bài.

 Hôm đưa ông Hoằng về, anh em trong Vụ cùng gia đình đến sân bay để đón ông Hoằng và đưa về làm lễ truy điệu và an táng tại nghĩa trang thôn Bầu xã Kim Chung. Thế là Vụ lại mất đi một cán bộ giỏi về lúa và lại đúng vào năm chẵn, năm 1982.

 **5. Nguyễn Văn Thắng:** Sau năm 1982, Vụ bắt đầu được yên ổn. Cái dớp cứ năm chẵn mất một người được giải tỏa. Nhưng đến năm 1996, ông Thắng, Trưởng phòng Tổng Kế hoạch tổng hợp của Cục Khuyến nông và Khuyến lâm lại mất vì bị tai nạn. Ông Thắng người xóm Thanh Lương, phường Thanh Nhàn, quận Hai Bà Trưng Hà Nội. Ồng học Khóa 6 trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội. Khi ra trường ông về Vụ Trồng trọt và phụ trách cây rau. Khi Cục Khuyến nông và Khuyến lâm thành lập ông phụ trách Phòng Kế hoạch tổng hợp. Ông là người hiền lành, là một cán bộ mẫu mực của Cục, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phó.

 Vào một buổi chiều tháng 6 năm 1996, sau khi hết giờ làm việc, ông còn nán lại cơ quan cùng ông Ngô Thành Thân (Trưởng phòng Hành chính) giải quyết tiếp một số công việc rồi mới ra về. Ông đi xe máy rời khỏi cơ quan ở Bách Thảo trước ông Thân, đến ngã tư Ngọc Hà, Đội Cấn, xe máy của ông bất ngờ mất lái lao lên giải phân cách và đâm vào cây xà cừ đầu đường Đội Cấn, ông ngã vật xuống đường và đầu đập vào gở bê tông giải phân cách, ông bất tỉnh. Một ông chủ hiệu đồng hồ gần đó thấy vậy đã cùng một số người dân liền đưa ông Thắng vào bệnh viện Xanh Pôn cấp cứu. Ông Thân còn trong Bộ nhận được tin có tai nạn gần Bộ, linh tính mách bảo, ông liền cùng ông Hùng (Trưởng phòng Cây công nghiệp, CAQ) ra xem thì nhận ra xe máy ông Thắng còn nằm đó, hai ông liền vào bệnh viện Xanh Pôn thì được các bác sỹ bảo ông Thắng bị chảy máu não nặng nên đã qua đời. Thế là Cục lại mất đi một cán bộ, mọi người cảm thấy bàng hoàng, một tổn thất rất lớn về cán bộ trong những năm đau buồn ấy.

**BÀI ĐỌC THÊM:**  **Vụ án Trương Việt Hùng**

**Ông Trương Việt Hùng nguyên là Vụ trưởng Vụ Sản xuất, Vụ Trồng trọt (1953-1957). Khi vụ án này xẩy ra ông đã được bổ nhiệm làm Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp.**

Trong hệ thống hồ sơ của Bộ Công an hiện vẫn còn đang lưu giữ tập hồ sơ về một vụ trọng án đã gây xôn xao dư luận vào giữa những năm của thập kỷ 60 (thế kỷ XX). Mặc dù đã nhiều năm trôi đi, nhưng nhiều người vẫn còn nhớ đến những chi tiết của vụ án. Thủ phạm vụ trọng án ấy chính là ông Trương Việt Hùng, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp lúc bấy giờ.

Trước một đối tượng có bề dày công tác, lại giữ một trọng trách trong hệ thống cơ quan Nhà nước, thủ đoạn gây án vừa tinh vi, vừa xảo quyệt với mục đích đánh lừa dư luận và các cơ quan bảo vệ pháp luật; nhưng bằng trí tuệ và bản lĩnh của mình, dưới sự chỉ đạo sát sao của Bộ trưởng Bộ Công an Trần Quốc Hoàn, các điều tra viên ngày ấy đã nhanh chóng làm rõ bản chất vụ án, khởi tố và bắt giữ tội phạm để đưa ra xét xử trước công đường.

Ít lâu sau, bản án ấy đã nhanh chóng được trình lên Hồ Chủ tịch. Với Bác, càng thương dân, cán bộ chiến sĩ bao nhiêu, Người càng thể hiện tính cương quyết bấy nhiêu mỗi khi phải xử lý số cán bộ có hành vi tham nhũng, tiêu cực và thoái hoá về đạo đức. Đương thời, Bác thường căn dặn: "Cán bộ, đảng viên có gương mẫu thì quần chúng mới noi theo". Những cán bộ đã từng sống và làm việc với Bác đều thấu hiểu rất rõ về điều này.

Thời kháng chiến chống Pháp, Người đã chấp nhận bản án tử hình đối với Cục trưởng Cục Quân nhu - Đại tá Trần Dụ Châu về tội tham nhũng. Hơn chục năm sau, Bác mới lại được TAND Tối cao xin ý kiến về vụ án này. Sau khi cân nhắc, Bác Hồ đã đi đến quyết định: "Thà chặt một cành sâu để cho cây xanh tốt". Hơn nửa thế kỷ trôi qua, những quyết định của Bác đến nay vẫn là lời cảnh tỉnh cho những cán bộ đảng viên sống sa đọa và tham nhũng.

**Từ cái chết bí ẩn**

Ba giờ sáng ngày 16/8/1964, bà con cô bác và các nhân viên y tế Bệnh viện tỉnh Quảng Ninh ngậm ngùi thương tiếc tiễn đưa bà Nguyễn Thị Cận, một phụ nữ nhân hậu, đoan trang vừa từ Hà Nội đến nghỉ mát tại khu điều dưỡng Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh về nơi an nghỉ cuối cùng.

Theo sát quan tài của người đàn bà xấu số ấy, người ta thấy sự hiện diện của ông Trương Việt Hùng, lúc đó là Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và là chồng bà Cận. Việc bà Cận chết đột ngột quả thật như một dòng điện nhanh chóng lan toả và gây bất ngờ ở khu vực Bãi Cháy, bởi buổi tối hôm trước, nhiều người vẫn còn thấy bà khoẻ mạnh. Vậy mà bây giờ đã vội vã đi về cõi vĩnh hằng.

Thấy vậy, trong dòng người đưa tiễn bà hôm ấy có người chép miệng: "Đúng là sống chết có số, chả biết thế nào. Nay là người, mai đã là ma rồi". Sau khi được tin bà Cận chết đột ngột, Ban Giám đốc khu nhà điều dưỡng đã báo tin khẩn cấp tới Sở Công an tỉnh Quảng Ninh và Bộ Công an.





 ***Ông Trương Việt Hùng Ông Trương Việt Hùng trước giờ gây tội ác***

Qua điều tra được biết: Vợ chồng ông Trương Việt Hùng từ Hà Nội đến nghỉ mát tại khu điều dưỡng Bãi Cháy từ chiều 13/8/1964, tức là sau một tuần đế quốc Mỹ mở màn cuộc chiến tranh phá hoại đối với các tỉnh miền Bắc nước ta, trong đó có nhiều khu vực ở tỉnh Quảng Ninh. Cảnh máy bay Mỹ giội bom, cảnh quân và dân ta đánh trả và bắn rơi máy bay, bắt sống giặc lái vẫn còn in đậm trong tâm trí người dân ở đây. Vậy mà ông Trương Việt Hùng vẫn quyết định đưa vợ đi nghỉ mát.

Họ tới khu điều dưỡng làm thủ tục và nhận phòng vào chiều 13/8/1964 thì đêm 14, rạng sáng 15/8/1964, bà Cận bỗng nhiên ngất lịm khiến nhiều y, bác sĩ ở đây rất bàng hoàng. Trước lúc bà trút hơi thở cuối cùng, các nhân viên y tế đã thay nhau túc trực và thực thi nhiều giải pháp tình thế nhưng bà Cận vẫn không qua khỏi và như một định mệnh, trái tim bà đã ngừng đập lúc 4h20' sáng 15/8/1964. Mai táng xong người vợ quá cố, ông Trương Việt Hùng vội vã quay trở lại Hà Nội. Việc đầu tiên của ông là thông báo cho những người thân trong gia đình và họ hàng, cơ quan xung quanh cái chết của bà Cận.

Một vài người lầm tưởng mọi việc rồi sẽ kết thúc tại đó. Bà Cận chết do bị bệnh tim. Nhưng không, việc ra đi quá đột ngột của bà Nguyễn Thị Cận đã trở thành dấu hỏi cho nhiều người. Những người có nhiều thắc mắc nhất lại là một vài người bạn gái thân cận của bà Cận.

Theo họ khi còn sống bà Cận chỉ bị đau dạ dày. Nhưng chứng bệnh ấy của bà đã được điều trị ổn định tại Bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô. Chưa bao giờ họ nghe bà nói là mắc căn bệnh đau tim. Trước khi rời Hà Nội đi nghỉ mát, người ta thấy sức khoẻ của bà vẫn bình thường. Vậy tại sao vừa đến khu điều dưỡng ở Bãi Cháy được một ngày, một đêm bà đã chết vì bệnh tim. Nhất là khi thấy ông Thứ trưởng Trương Việt Hùng (chồng bà Cận) lại biểu lộ thái độ không bình thường.

Điều không bình thường đầu tiên mà mọi người dễ nhận thấy nhất ở ông ta là tại sao ông Hùng không đưa thi hài vợ mình về Hà Nội mà lại an táng tại đất người. Thời điểm đó đi lại khó khăn hơn bây giờ, miền Bắc đã bước vào cuộc sống thời chiến song với cương vị là một Thứ trưởng như ông thì chuyện đó xem ra đâu phải khó.

Sau đó là những biểu lộ thể hiện sự đau khổ, thương tâm trong đám tang người vợ, người ta thấy tâm trạng ấy ở ông bỗng nhiên tan nhanh. Bộ mặt ông lại tỉnh queo, hàng ngày cười cười nói nói rồi gặp ai ông cũng rêu rao về căn bệnh tim quái ác đã cướp đi vợ ông. Một số người còn thấy ông ăn diện hơn mọi ngày.





 ***Ông Hùng và bà Cận Bà Cận sau khi uống thuốc***

**Đi tìm nguyên nhân và mối tình tội lỗi**

Giữa lúc cuộc điều tra vụ trọng án này đang diễn ra thì cơ quan Công an liên tiếp nhận được nhiều lá đơn do nhiều người gửi đến. Tại những lá đơn ấy, họ đề cập đến nhiều vấn đề uẩn khúc xung quanh cái chết của bà Cận. Nhiều người còn chủ động tìm đến cơ quan điều tra cung cấp các chứng cứ, tài liệu có liên quan trực tiếp đến vụ án và đề nghị cơ quan bảo vệ pháp luật phải sớm làm sáng tỏ những khúc mắc trong vụ án này.

Một vấn đề cũng phải nêu ra là từ khi nhận được điện khẩn từ khu nghỉ mát Bãi Cháy về việc bà Cận đột tử, lúc đầu các cán bộ được giao nhiệm vụ khám nghiệm hiện trường và điều tra vụ án do quá tin vào lời lẽ của ông Thứ trưởng Trương Việt Hùng nên họ đã không tiến hành lấy mẫu để giám định chất nôn, phủ tạng của bà Cận. Do vậy, khi nhận được nhiều lá đơn tố cáo, đích thân Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn đã cử một đoàn cán bộ về Quảng Ninh để phối hợp với Công an địa phương điều tra vụ án này.

Đoàn gồm có các cán bộ ở Cục Cảnh sát nhân dân, của cơ quan khoa học hình sự. Khi đến Quảng Ninh, theo chỉ đạo của Bộ trưởng, công việc đầu tiên của họ là tiến hành khai quật tử thi để giám định phủ tạng với mục đích xác định độc tố trong cơ thể nạn nhân.

Chỉ sau 3 ngày kể từ khi nhận được mẫu, Phòng Kỹ thuật hình sự (Bộ Công an lúc đó) phối hợp với Viện Kiểm nghiệm (Bộ Y tế) đã đưa ra kết quả: Bà Nguyễn Thị Cận chết là do uống phải liều lượng lớn thuốc ngủ loại Gardenal và thuốc độc thạch tín. Kết quả giám định trên làm nhiều người kinh ngạc. Còn đối với các cán bộ Công an được giao nhiệm vụ điều tra vụ án thì coi đây là bước đột phá quan trọng mang tính quyết định đối với việc làm sáng tỏ vụ trọng án này.

Từ kết quả trên, các trinh sát ở các bộ phận nghiệp vụ được tung đi thu thập chứng cứ, tài liệu liên quan đến cái chết của bà Cận. Qua tìm hiểu, họ đã có đủ bằng chứng để chứng minh rằng trước ngày bà Cận qua đời, ông Trương Việt Hùng đã có quan hệ bất chính với một cô gái trẻ chỉ đáng bằng tuổi con ông. Cô gái ấy tên là Vũ Thị Tuyết Ng. Một câu hỏi được đặt ra đối với các trinh sát: "Liệu mối tình này có liên quan gì đến cái chết của bà vợ ông Trương Việt Hùng?".

Tìm hiểu thêm, các trinh sát viên hồi ấy được biết không ai khác chính bà Cận và những người thân trong gia đình bà trước đó đều đã biết khá rõ về mối tình của ông Hùng với cô Tuyết Ng.

Là một phụ nữ và lại là phu nhân của một vị Thứ trưởng, hồi đó bà chỉ biết cắn răng chịu đựng. Đêm về trước thái độ ghẻ nhạt, thờ ơ và lạnh lùng đến đáng sợ của chồng trong cuộc sống vợ chồng, nhiều lần bà dùng lời lẽ ngọt ngào khuyên nhủ chồng để mong sao cuộc sống gia đình duy trì được êm ấm. Nhưng rồi tất cả những điều như thế quả là như nước đổ đầu vịt. Ông Hùng không những không nghe theo lời khuyên của bà Cận mà tiếp tục dấn sâu thêm vào mối tình tội lỗi với cô gái trẻ Tuyết Ng.

Hàng ngày, cứ nhìn cử chỉ của chồng, bà Cận như thấy tim mình bị đau nhói nhất là nghe thấy chồng điện thoại hò hẹn với người tình ở nơi này, địa điểm kia. Bất lực trong việc điều chỉnh cuộc sống vợ chồng, bà chỉ còn biết đưa những chuyện như thế ra tâm tình với người bạn gái tâm đầu ý hợp.

Trong tập hồ sơ vụ án, người ta còn đọc được lời khai của một vài nhân chứng trước cơ quan điều tra. Nhân chứng này chính là một trong số bạn gái của bà Cận. Họ cho biết: "Có lần bà Cận thổ lộ với tôi rằng: Con Ng. chỉ đáng tuổi con của mình. Vậy mà ông ấy cứ  theo đuổi. Tôi không dám nói ra vì sợ ông ấy bị đình chỉ công tác, bị kỷ luật". Những lời khai của công chúng càng củng cố quyết tâm của các trinh sát và thúc đẩy nhịp độ điều tra vụ án. Từ người này đến nhân chứng khác đã giúp cho các cán bộ điều tra từng bước tháo dần các nút tưởng như bị thắt chặt.

Các tài liệu điều tra cho thấy ông Trương Việt Hùng có quan hệ với cô Vũ Thị Tuyết Ng. từ năm 1959. Khi đó cô gái này mới ở độ tuổi 20 còn ông Trương Việt Hùng đã bước sang tuổi 43. Sau khi mối quan hệ được thiết lập, để đánh lừa dư luận, mỗi khi đi đâu, gặp ai, ông đều tự giới thiệu: "Đây là cô em vợ tôi". Ở thời điểm đó, nhìn bề ngoài cặp tình nhân này như bố và con, vậy mà không hiểu sao tình yêu của họ nồng cháy đến thế.

Trong 4 năm (1960-1963), kỳ nghỉ mát nào của vị Thứ trưởng này đều không vắng mặt Tuyết Ng. Thôi thì đủ nơi từ Đồ Sơn đến Sa Pa, Tam Đảo. Với những người mà lần đầu tiên biết ông, Trương Việt Hùng chẳng cần giấu giếm mà nói toẹt ra rằng đó là vợ tôi. Đáp lại, Tuyết Ng. cũng biểu lộ tình yêu mãnh liệt của mình đối với ông Trương Việt Hùng.

Nhiều người vẫn còn nhớ năm 1962, khi ông Trương Việt Hùng bị mổ ruột thừa ở Bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô, Tuyết Ng. ngày đêm dồn hết sức lực và tình cảm chăm sóc ông như chăm sóc một người chồng thực sự. Việc làm này của Tuyết Ng. khiến cho các bác sĩ, y tá ở bệnh viện đều khen nức nở rằng ông Hùng có cô vợ trẻ thật mỹ mãn.

Nhiều người khác thấy cảnh trớ trêu này và đã khuyên bà Cận nên đến gặp cô Tuyết Ng. để cho một trận đòn chí tử. Nhưng bà Cận vẫn nghĩ đến cái đạo của một người làm vợ. Nói ra chẳng được gì mà trái lại ông Trương Việt Hùng còn bị mất chức, uy tín và danh dự của gia đình bị giảm sút.

Và để làm rõ thêm mối tình bất chính này, các trinh sát một lần nữa phải lặn lội về quê ông Trương Việt Hùng để tìm hiểu thêm dư luận ở địa phương là xã Phú Lãm, huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh.

Tại đây, có nhiều người thắc mắc: "Tại sao bà Cận là vợ một Thứ trưởng mà lại chết đột ngột đến thế?". Còn tại nhà nghỉ Bãi Cháy, kết hợp với Công an tỉnh Quảng Ninh, lực lượng trinh sát của Bộ Công an nắm được: Vợ chồng ông Hùng đến nhà nghỉ Bãi Cháy với phiếu nghỉ 15 ngày nhưng ông Hùng chỉ mua phiếu ăn 5 ngày, mỗi ngày 1,5 suất. Đêm 13/8 cũng như tối 14/8, mọi việc đều bình thường. Nhưng vào lúc 1h15 ngày 15/8/1964, ông Hùng từ phòng ngủ chạy xuống báo cho thường trực nhà nghỉ và chị Liêm, y sĩ trực đêm hôm đó đã lập tức có mặt để tiến hành cấp cứu, cho bà Cận ngửi thuốc Amoniacque, rồi xoa bóp và tiêm thuốc trợ sức. Sau khi ngửi thuốc, họ thấy bà Cận đã hắt hơi. Khi thấy tình hình sức khoẻ bà Cận đã khá hơn, anh Lễ và chị y tá đã dặn ông Hùng cần chú ý theo dõi nếu thấy có sự khác thường, phải báo ngay cho họ.

Khi anh Lễ và chị Liêm về nơi trực của mình được chừng 45 phút thì ông Hùng lại xuống gọi, lần này thì ông nói: "Nhà tôi bây giờ lại không nói được nữa". Chị y sĩ vội đưa cho ông Hùng một chai Amoniacque và dặn ông cầm ngay lên cho bà Cận ngửi. Sau đó chừng 2 phút anh Lễ và chị Liêm đều chạy lên phòng ông Hùng và thấy ông ta vẫn cầm chai nước trên tay mà chưa cho vợ ngửi. Khi chị Liêm sờ lên người bà Cận thì thấy tim bà đã ngừng đập, còn chân tay bà thì đã lạnh ngắt. Họ tiêm thuốc, thuốc không vào, làm hô hấp nhân tạo cũng không đem lại kết quả.

Sau khi bà Cận chết, Trương Việt Hùng đề nghị đưa bà sang Bệnh viện tỉnh Quảng Ninh. Những người trực tiếp cấp cứu cho bà Cận đều nói khi lên phòng của vợ chồng ông Hùng, thấy màn vẫn mắc nguyên, ga trải giường vẫn phẳng phiu, không bị nhàu, chứng tỏ hai vợ chồng đã không nằm chung một giường.

Từ kết quả thu thập chứng cứ của các trinh sát, Ban chuyên án đã họp và nêu ra nhiều nghi vấn: "Tại sao máy bay địch mới đánh phá khu vực Hồng Gai ngày 5/8/1964, nhân dân đang phải sơ tán mà ông Hùng lại đưa vợ đến đây nghỉ mát? Tại sao phiếu nghỉ ghi 15 ngày mà ông Hùng chỉ mua vé ăn có 5 ngày? Tại sao màn vẫn mắc nguyên, ga trải giường vẫn phẳng phiu, có đúng là chỉ có một mình bà Cận nằm ngủ hay không? Tại sao y sĩ đưa thuốc ngửi mà ông Hùng không đưa cho vợ ngửi...".

Nhận thấy Trương Việt Hùng có nhiều dấu hiệu phạm tội giết bà Cận, Bộ Công an quyết định khai quật tử thi để nghiên cứu. Qua khám nghiệm tử thi, bác sĩ pháp y cho biết thêm trên cơ thể tử thi không phát hiện thấy thương tích, dạ dày không bị loét, phủ tạng có chứa 50mg chất luminal (còn gọi là thuốc ngủ Gardenal) và độc tố thạch tín.

Từ kết quả trên, Ban chuyên án đã kết luận bà Nguyễn Thị Cận bị đầu độc bằng chất độc và cho bắt khẩn cấp Trương Việt Hùng. Trước những bằng chứng không thể chối cãi, Trương Việt Hùng đã cúi đầu nhận tội giết vợ để lấy Vũ Thị Tuyết Ng. Ông ta còn khai vì muốn lấy Ng. làm vợ nên ngay từ năm 1960, đã có mưu đồ giết vợ. Năm 1961, y dùng thuốc chuột bỏ vào thuốc Bắc cho bà Cận uống. Sau khi uống thuốc, bà Cận trúng độc sùi bọt mép, cấm khẩu, chân tay co quắp phải đưa vào Bệnh viện Bạch Mai cấp cứu mới thoát chết. Nhưng vụ đầu độc này vẫn chưa bị bại lộ.

Năm 1962, khi còn học ở Trường Đảng cao cấp, Trương Việt Hùng mượn cớ là bị mất ngủ nên đã xin y tế nhà trường và xin bạn cùng học được khoảng 50 viên thuốc ngủ Gardenal có hàm lượng 0,01. Năm 1963, Trương Việt Hùng lại nhờ một người bạn đang làm việc ở nước ngoài mua giúp 100 viên Gardenal. Đầu năm 1964 thì y nhận được số thuốc này và đem tán nhỏ thành bột, đợi thời cơ để thực hiện âm mưu ám hại vợ. Thời cơ ấy chính là dịp đi nghỉ mát ở Bãi Cháy.

Thực hiện dã tâm này, tối 13/8/1964, sau khi đến nhà nghỉ, để vợ khỏi nghi ngờ, ông Hùng kêu mệt và lấy gói bột sắn trong cặp ra, pha một cốc uống trước mặt vợ, nói là thuốc để giải nhiệt. Đến tối hôm sau, vào lúc 20h, bà Cận kêu mệt và chuẩn bị đi ngủ sớm. Chớp được cơ hội này, Hùng bảo vợ: "Trước khi đi ngủ nên uống thuốc cho đỡ bị mụn nhọt". Bà Cận đồng ý.

Ông Hùng mở tủ lấy 2 gói bột trắng gồm một gói thuốc ngủ có chứa thạch tín mà y đã đánh dấu sẵn và một gói bột sắn. Mỗi gói pha một cốc. Pha xong, ông Hùng uống hết cốc bột sắn còn cốc thuốc độc y đưa cho bà Cận. Uống hết cốc thuốc ngủ, bà Cận nằm yên và lịm dần.

Khoảng 21h, thấy vợ mê man, ông Hùng vẫn ngồi bên cạnh. Đến 24h, khi thấy bà Cận đã ngừng thở, Hùng mới "vội vàng" chạy đi gọi người cấp cứu. Sau khi được cấp cứu, bà Cận đã thở được trở lại. Khi ra về, người y sĩ giao cho ông Hùng tiếp tục trông nom bà Cận. Nhưng đến 4h sáng ngày 15/8/1964 thì bà Cận tắt thở. Biết vậy song ông Hùng vẫn nấn ná một lúc mới chạy xuống phòng thường trực để gọi người cấp cứu.

Can tội "Cố ý giết người có chủ mưu bằng thuốc độc", dù là cán bộ cao cấp, Trương Việt Hùng vẫn phải lĩnh mức án cao nhất mà Toà án nhân dân tối cao đã tuyên: Tử hình.

 **Bài trên báo: Cảnh sát toàn cầu, ngày 3/8/2010**.